

**Số: 01/2014/BCTN**

*Phú Yên, ngày 18 tháng 4 năm 2014*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

**Năm báo cáo: Năm 2013**

*(Thực hiện theo Phụ lục số II, ban hành kèm theo  
Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ Tài chính)*

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch Tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**
- Tên giao dịch tiếng Anh : Thuan Thao Corporation
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4400123162
- Vốn điều lệ : 435.030.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 435.030.000.000 đồng
- Địa chỉ : Số 03 Hải Dương - Tp Tuy Hòa - Phú Yên - Việt Nam
- Số điện thoại : (84-57) 3 824 229
- Số Fax : (84-57) 3 823 466
- Website : [www.thuanthao.com.vn](http://www.thuanthao.com.vn)
- Mã cổ phiếu : GTT
- Logo Công ty :



**2. Quá trình hình thành và phát triển Công ty**

- Công ty Cổ phần Thuận Thảo tiền thân là Doanh nghiệp Vận tải và Thương mại Thuận Thảo được thành lập vào năm 1997.
- Ngày 05/10/2007 Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Thuận Thảo.
- Ngày 28/12/2009 Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty Cổ phần Thuận Thảo.
- Ngày 30/6/2010 Công ty chính thức niêm yết cổ phần trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

## **Những sự kiện quan trọng**

### **➤ 1985 –1996**

- Tổng đại lý phân phối hàng hóa của hơn 20 Công ty trong nước và Công ty liên doanh với nước ngoài tại địa bàn Tỉnh Phú Yên và các Tỉnh lân cận.

### **➤ 1997**

- Thành lập Doanh nghiệp tư nhân với tên gọi: Doanh nghiệp Vận tải và Thương mại Thuận Thảo, kinh doanh trên hai lĩnh vực chính là: Vận tải và Thương mại.

### **➤ 1998**

- Xây dựng và đưa vào kinh doanh Thương xá Thuận Thảo

### **➤ 2000**

- Đầu tư nâng cấp Thương xá Thuận Thảo thành Siêu thị Thuận Thanh- Siêu thị tư nhân đầu tiên tại Tỉnh Phú Yên.

### **➤ 2001**

- Mở thêm lĩnh vực kinh doanh mới: Vận tải hành khách Chất lượng cao.

### **➤ 2002**

- Mở các chi nhánh kinh doanh tại Tỉnh Bình Định và TP.HCM.

### **➤ 2003**

- Thành lập Bến xe khách tư nhân đầu tiên tại Việt Nam với diện tích 1.800m<sup>2</sup>.

### **➤ 2004**

- Xây dựng và đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất nước uống đóng chai SUGA.
- Đầu tư xây dựng Trung tâm Giải trí và Sinh thái Thuận Thảo.
- Xây dựng Tổng kho hàng hóa Thuận Thảo

### **➤ 2005 và 2006**

- Tiếp tục đầu tư mở rộng Trung tâm Giải trí và Sinh thái Thuận Thảo diện tích hơn 30 ha
- Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng Ba cho tập thể và cá nhân bà Võ Thị Thanh.

### **➤ 2007**

- Đầu tư xây dựng và khánh thành công trình Trung tâm Hội nghị-Triển lãm và Dịch vụ du lịch Thuận Thảo
- Chuyển đổi thành Công ty TNHH với tên gọi: Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Thuận Thảo.
- Xây dựng mới Siêu thị Thuận Thanh rộng 2000m<sup>2</sup>, khang trang, hiện đại.

### **➤ 2008**

- Xây dựng và đưa vào hoạt động Giai đoạn 1 của khu Resort & Spa Golden Beach.
- Xây dựng và đưa vào hoạt động khu vui chơi, giải trí và dịch vụ Thuận Thảo Land.

➤ **2009**

- Khánh thành khách sạn 5 sao CenDeluxe đầu tiên và duy nhất hiện nay tại Phú Yên.
- Đầu tư xây dựng nhà hát Sao Mai có sức chứa 3.500 chỗ ngồi.
- Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thuận Thảo.

➤ **2010**

- Chứng khoán GTT chính thức niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán TP.HCM (Hose).
- Bắt đầu triển khai thực hiện dự án đưa 25 xe giường nằm thế hệ mới nhất của hãng Hyundai vào hoạt động, tổng vốn đầu tư 62,5 tỷ đồng.
- Triển khai xây dựng dự án Nhà nuôi chim yến với diện tích xây dựng 1.080m<sup>2</sup>.
- Tăng vốn Điều lệ của Công ty lên 435.030.000.000 đồng.
- Công ty đã ký biên bản ghi nhớ với Ban quản lý khu kinh tế Phú Yên về Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu diện tích 100ha với tổng mức đầu tư ước tính khoảng 200 tỷ đồng.

➤ **2011**

- Công ty tiếp tục thực hiện việc đổi mới phương tiện với việc đầu tư thay thế và đưa vào hoạt động 30 xe taxi Kia New Carens 2.0 phiên bản 2011 với tổng vốn đầu tư trên 15 tỷ đồng.
- Mở rộng dịch vụ vui chơi giải trí tại Trung tâm Hội nghị và Sinh thái Thuận Thảo
- Đầu tư mới 2 xe tải Hino15 tấn với tổng vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng.
- Triển khai đầu tư dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Đá Bàn tại thôn Cẩm Tú, xã Hòa Kiến, Tp Tuy Hòa diện tích 20 hecta với tổng mức đầu tư khoảng 100 tỷ đồng.

➤ **2012**

- Tiếp tục đầu tư mới 2 xe tải Hino 15 tấn và 02 xe tải nhỏ 1,4 tấn với tổng vốn đầu tư 4,3 tỷ đồng.
- Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các trang thiết bị, nhà cửa tại Trung tâm Hội nghị và Sinh thái Thuận Thảo với vốn đầu tư trên 7 tỷ đồng.
- Đầu tư mới các dịch vụ vui chơi giải trí tại Trung tâm Hội nghị và Sinh thái Thuận Thảo với tổng vốn đầu tư trên 3,3 tỷ đồng
- Đầu tư, nâng cấp hệ thống sản xuất đá tinh khiết và thay thế dây chuyền sản xuất nước tinh khiết Suga với tổng giá trị đầu tư trên 500 triệu đồng.
- Ký Hợp đồng với Công ty TNHH Tư vấn Trần Đình Cửu với mục tiêu Tái cấu trúc hệ thống quản lý Công ty, tổng giá trị Hợp đồng 1,6 tỷ đồng.

➤ **2013**

- Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị với vốn đầu tư trên 5,6 tỷ đồng.
- Ký Hợp đồng với Công ty CP Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp để trang bị phần mềm kế toán và quản lý Công ty với vốn đầu tư 0,5 tỷ đồng.

## **Thành tích Công ty**

- Năm 2005: Được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- Năm 2006: được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Giải thưởng Sao vàng Đất Việt.
- Năm 2007: Giải thưởng vì sự cống hiến cho Miền Trung; Cúp vàng Thương-Hiệu nhãn.
- Năm 2008: Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ; Giải thưởng Sao vàng Đất Việt; Giải thưởng Sao Vàng khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; Giải thưởng vì sự cống hiến cho Miền trung (lần hai); Cúp Vàng vì sự phát triển cộng đồng; Cúp vàng “Thương hiệu-Nhãn hiệu”; Danh hiệu: dịch vụ xe khách được hài lòng nhất (Báo SGTT).
- Năm 2009: Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt; Cúp vàng vì sự phát triển cộng đồng; Cúp vàng “Thương hiệu-Nhãn hiệu”; Kỷ niệm chương cúp vàng “Thương hiệu-Nhãn hiệu”.
- Năm 2010: Danh hiệu: dịch vụ xe khách được hài lòng nhất (Báo SGTT); Bằng khen của Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch.
- Năm 2011: Danh hiệu: Doanh nghiệp Tín nhiệm, Danh hiệu: Dịch vụ xe khách được hài lòng nhất (Báo SGTT); Giấy khen của Hội Doanh nghiệp trẻ Phú Yên; Giải thưởng kiến trúc Quốc gia cho Khách sạn 5 sao CenDeluxe; Giải thưởng quốc tế International Quality Crown Award. Top 100 Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam năm 2011.
- Năm 2012: Bằng khen của Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI); Bằng khen của Hội doanh nhân trẻ Tỉnh Phú Yên; Giấy chứng nhận cơ quan văn hóa; Bằng khen của Công an Tỉnh Phú Yên; Bằng khen của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Tỉnh Phú Yên.
- Năm 2013: Bằng công nhận Doanh nghiệp văn hóa lần thứ 2.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

#### **3.1. Ngành nghề kinh doanh:**

- Vận tải: Vận tải hành khách chất lượng cao, Taxi, Vận tải hàng hóa.
- Dịch vụ vui chơi, giải trí, nhà hàng, tổ chức sự kiện.
- Dịch vụ tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản.
- Kinh doanh khách sạn.
- Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất nước đá tinh khiết.

#### **3.2. Địa bàn kinh doanh:**

- Công ty Cổ phần Thuận Thảo, tại 03 Hải Dương, xã Bình Ngọc, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo - Khách sạn Cendeluxe, tại 02 Hải Dương, xã Bình Ngọc, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại Thành phố Quy Nhơn, tại Phòng vé xe khách chất lượng cao, Công ty CP Bến xe Bình Định, Đường Tây Sơn, Khu vực 5, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo (Tỉnh Phú Yên), tại 236/6 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. HCM.

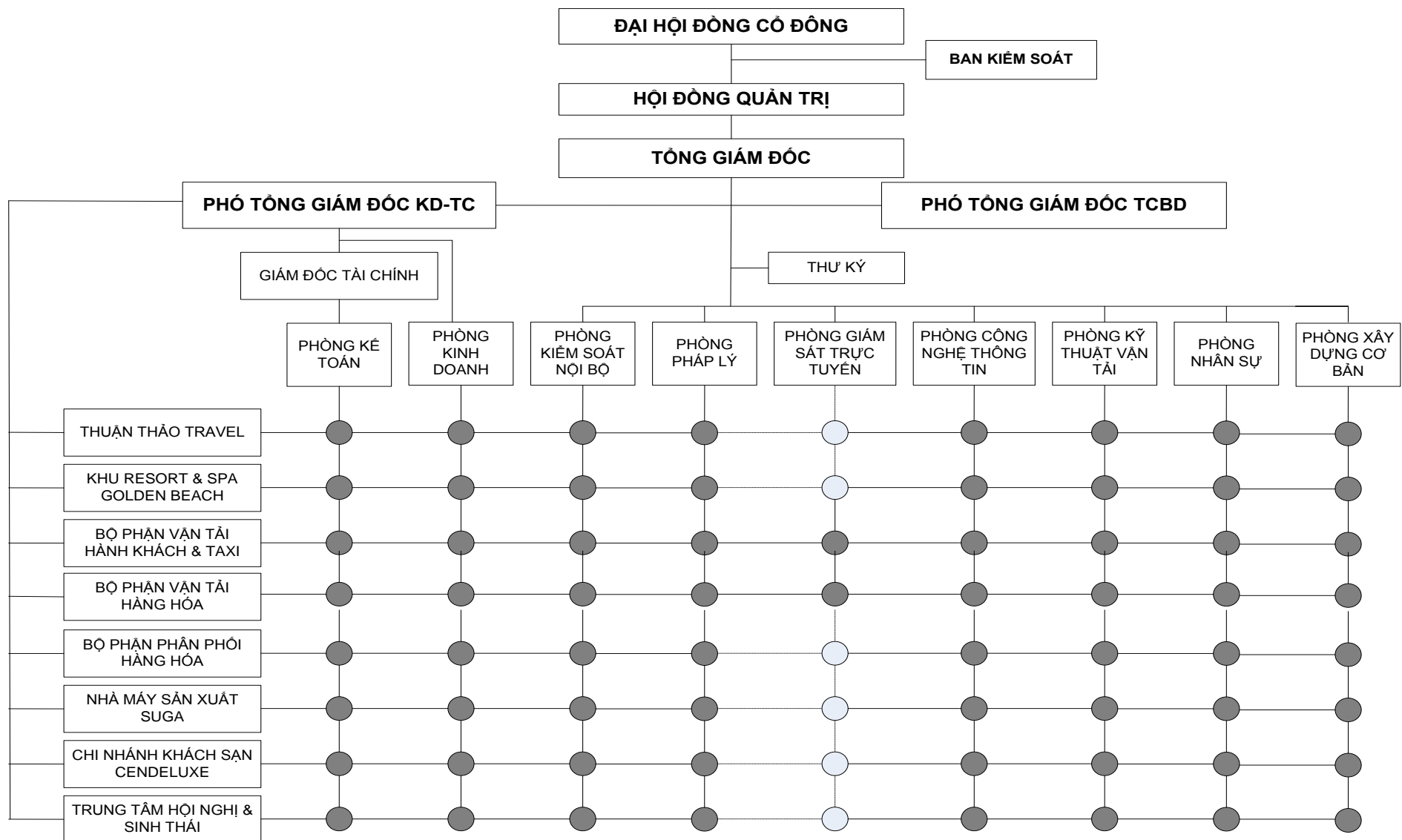
#### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

##### **4.1. Mô hình quản trị:**

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan:

- Đại hội đồng cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Tổng Giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

##### **4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:**



**Các Công ty con, công ty liên kết:** Không có

## **5. Định hướng phát triển:**

### **5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

Với phương châm kinh doanh đa ngành nghề, luôn đi trước đón đầu, áp dụng công nghệ tiên tiến vào kế hoạch kinh doanh, luôn giữ chữ tín với khách hàng và các đối tác, lấy chất lượng sản phẩm làm mục tiêu phấn đấu và xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Nên định hướng phát triển Công ty từ nay đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2030 sẽ theo mô hình tập đoàn kinh tế đa ngành nghề, có thương hiệu mạnh trong nước và quốc tế, tiếp tục đa dạng hoá sản phẩm, chú trọng phát triển một cách bền vững, tập trung đầu tư chiều sâu vào lĩnh vực như Vận tải, Khách sạn, Kinh doanh dịch vụ ăn uống, và vui chơi giải trí.

#### **– Khách hàng mục tiêu:**

Là các tổ chức, các gia đình, đây là đối tượng khách hàng chính mà Công ty nhắm đến. Các tổ chức, các gia đình là phân khúc thị trường lớn có thu nhập ổn định, bền vững, có sức tiêu dùng cao, khả năng tạo doanh thu lớn.

#### **– Sản phẩm dịch vụ chính:**

Thế mạnh của các lĩnh vực kinh doanh hiện tại của Công ty:

Dịch vụ lưu trú: Khách sạn 5 sao.

Dịch vụ ăn uống: Nhà hàng, Khu vui chơi giải trí và đặc biệt là công nghệ tiệc cưới.

Dịch vụ vận tải: Vận tải hành khách, taxi và vận tải hàng hóa.

### **5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

#### **Tập trung đầu tư, phát triển chiều sâu các lĩnh vực:**

- Khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng Resort & Spa Golden
- Chuyên nghiệp, hiện đại dịch vụ tổ chức tiệc cưới, và các loại tiệc khác.
- Chuyên sâu khai thác, phát triển các lĩnh vực đã đầu tư: dịch vụ ăn uống, giải trí, nhà hàng.
- Phương tiện vận tải hành khách luôn luôn được thay thế đổi mới, mỗi một thế hệ xe mới không dùng quá 5 năm, đồng thời thiết lập, trang bị các tiện ích phục vụ tối ưu cho hành khách như bán vé, thanh toán qua mạng, các thiết bị giám sát hành trình ...
- Khách sạn tập trung vào khúc thị trường du lịch MICE, phấn đấu trong hai, ba năm tới Cendeluxe trở thành địa chỉ đầy uy tín của khúc thị trường này.
- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống KPIs để đánh giá thực hiện công việc của các bộ phận, phòng ban và tất cả nhân viên.

### **5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

- Tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các qui định pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Công ty;
- Chia sẻ trách nhiệm vào việc chăm lo cho các hoàn cảnh khó khăn của cư dân địa phương nơi Công ty có cơ sở trú đóng bằng các đóng góp, tài trợ cho các hoạt động do chính quyền địa phương, cơ quan hữu quan phát động.
- Chăm sóc đời sống tinh thần, thực hiện tốt các chế độ phúc lợi cho người lao động Công ty.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động Công đoàn của Công ty.
- Các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng thực hiện trên nguyên tắc thường xuyên, lâu dài và trực tiếp.

## **6. Các rủi ro:**

### **6.1. Quản lý rủi ro vốn:**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn cổ phần, các quỹ, và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### **6.2. Các chính sách kế toán chủ yếu:**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính..

### **6.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá, và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### **6.3.1. Quản lý rủi ro thị trường:**

- *Quản lý rủi ro lãi suất:* Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất đối với các khoản vay của Công ty. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì mức độ hợp lý của các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.
- *Quản lý rủi ro về giá hàng hóa:* Công ty mua nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng hóa.

#### **6.3.2. Quản lý rủi ro tín dụng:**

- Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.



### **6.3.3. Quản lý rủi ro thanh khoản:**

- Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

### **6.4. Rủi ro về nguồn nhân lực:**

- Việc tuyển dụng lao động phổ thông, nhất là tại khu vực nội thành ngày càng khó khăn, do chi phí lao động có xu hướng tăng.
- Chi phí lao động có xu hướng tăng trong các năm qua làm giảm khả năng cạnh tranh của Công ty nói riêng và các doanh nghiệp kinh doanh cùng lĩnh vực nói chung.

### **6.5. Rủi ro về thị trường và sản phẩm:**

- Nhìn chung, năm 2014 các tín hiệu từ thị trường có dấu hiệu tích cực hơn so với năm 2013. Chính phủ đã kiểm soát tốt chỉ số giá tiêu dùng (CPI).
- Để đạt được kết quả hoạt động trong năm 2014 tốt hơn năm 2013, cũng như để tạo ra lợi nhuận tốt hơn, Công ty phải đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ theo thị hiếu khách hàng, tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng dịch vụ - phục vụ của các dịch vụ vận tải, nhà hàng ăn uống, tổ chức lễ tiệc, hội nghị, vui chơi, giải trí tại Trung tâm vui chơi, giải trí Thuận Thảo; đầu tư nâng cấp về cơ sở vật chất và trang thiết bị; xây dựng cảnh quan môi trường xanh tươi; bổ sung thêm các loại hình vui chơi mới hấp dẫn và hiện đại v.v..., để đưa khu vui chơi - giải trí Thuận Thảo trở thành một công viên vui chơi - giải trí có quy mô và chất lượng ngang tầm với các cơ sở kinh doanh du lịch - giải trí lớn của cả nước.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm 2013**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

Trong năm 2013, doanh thu thuần đạt được 284.600.440.932 VNĐ đạt 54,11% so với năm 2012, lợi nhuận đạt được 702.930.690 VNĐ đạt 12,91% so với năm 2012.

#### **1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

##### **1.2.1 Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2013**

- Doanh thu thuần: 284.600.440.932 VNĐ đạt 47,05% so với kế hoạch năm 2013.
- Lợi nhuận sau thuế: 702.930.690 VNĐ đạt 1,07% so với kế hoạch năm 2013

Kết quả thực hiện kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thực hiện năm 2013 (VNĐ)</b>	<b>Kế hoạch năm 2013 (VNĐ)</b>	<b>Thực tế so với kế hoạch</b>
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	284.600.440.932	604.900.000.000	47,05%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	702.930.690	65.625.000.000	1,07%

### 1.2.2. Tình hình thực hiện 2013 so với thực hiện năm 2012

<b>S T T</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thực hiện năm 2013</b>	<b>Thực hiện năm 2012</b>	<b>So sánh thực tế 2013/2012</b>
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	284.600.440.932	525.991.456.990	54,11%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-82.349.283.595	7.832.885.717	-1.051%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	1.003.528.031	11.450.855.010	8,76%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	702.930.690	5.443.101.118	12,91%

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2013 đạt 54,11% so với năm trước; lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 12,91% so với năm trước.

## **2. Tổ chức và nhân sự**

### **2.1. Danh sách Ban điều hành:**

#### **a. Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **VÕ THỊ THANH**  
Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 28/06/1955  
Nơi sinh : Hòa Thắng – Phú Hòa - Phú Yên  
CMND/Hộ chiếu : 220113601 Ngày cấp: 03/10/2010 tại Công an Phú Yên  
Quốc tịch : Việt Nam  
Địa chỉ thường trú : 44 Nguyễn Thái Học – Tuy Hòa – Phú Yên  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật  
Quá trình công tác : Từ năm 1985 đến nay làm việc tại Công ty CP Thuận Thảo  
Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.093.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 34,69% vốn điều lệ  
Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

#### **b. Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **VÕ THANH MINH HẰNG**  
Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 16/02/1977  
Nơi sinh : An Thạch, Tuy An, Phú Yên  
CMND/Hộ chiếu : 220985216 Ngày cấp: 30/10/2002 tại Công an Phú Yên  
Quốc tịch : Việt Nam  
Địa chỉ thường trú : 44 Nguyễn Thái Học – Phường 5 – TP.Tuy Hòa – Phú Yên  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế  
Quá trình công tác : Từ năm 1998 đến nay làm việc tại Công ty Cổ phần Thuận Thảo  
Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 435.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1% vốn điều lệ  
Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

### ***c. Phó Tổng Giám đốc***

Họ và tên : **HUỖNH SỸ CHIẾN**  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 21/04/1974  
Nơi sinh : Tuy An, Phú Yên  
CMND/Hộ chiếu : 221112947  
Quốc tịch : Việt Nam  
Địa chỉ thường trú : Tổ 11 – KP 3 - Phường 2 – TP.Tuy Hòa - Tỉnh Phú Yên  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế  
Quá trình công tác : Từ năm 2000 đến nay: làm việc tại Công ty Cổ phần Thuận Thảo  
Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 18.750 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.04% vốn điều lệ  
Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

### ***d. Kế toán trưởng***

Họ và tên : **NGUYỄN VĂN NHƯ**  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 11/06/1978  
Nơi sinh : Hòa Thắng – Phú Hòa – Phú Yên  
CMND/Hộ chiếu : 220968834 Ngày cấp: 21/3/2011 tại Công an Phú Yên  
Quốc tịch : Việt Nam  
Địa chỉ thường trú : Thôn Mỹ Hòa – Hòa Thắng – Phú Hòa – Tỉnh Phú Yên  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán  
Quá trình công tác : Từ năm 2002 đến nay làm việc tại Công ty Cổ phần Thuận Thảo  
Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ  
Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

### ***2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:***

- Ban Tổng Giám đốc Công ty có 03 người (Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc). Trong năm 2013, nhân sự trong Ban Tổng Giám đốc Công ty có sự thay đổi: Ngày 22/9/2013 Hội đồng quản trị đã chấp thuận đơn xin từ nhiệm và miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với Ông Võ Thanh Hoàng Chương và bổ nhiệm Bà Võ Thị Thanh Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật kể từ 23 tháng 9 năm 2013.

- Điều lệ hiện hành của Công ty quy định Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc. Chính vì vậy, HĐQT đã quyết định sửa đổi điều lệ Công ty và cam kết sẽ thông qua việc sửa đổi điều lệ này trong kỳ ĐHCĐ 2014.
- Trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã cố gắng, nỗ lực trong công tác điều hành để duy trì ổn định Công ty, duy trì và bảo toàn vốn của các cổ đông. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo đúng nghị quyết của Đại hội cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

- a. Số lượng CBCNV tại thời điểm 31/12/2013: 1.170 lao động.
- b. Các chính sách đối với người lao động:
  - Thực hiện các chính sách đối với người lao động theo Luật Lao động, Luật BHXH như: ký HĐLĐ, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ Lễ, phép, việc riêng; trả lương làm thêm giờ, phụ cấp ca đêm; các chế độ BHXH, BHYT; kỷ luật lao động, chính sách đối với lao động nữ; an toàn – BHLĐ.
- c. Các chế độ phúc lợi khác.
  - Thương các dịp Lễ, thưởng thành tích cuối năm.
  - Tiền ăn giữa ca.
  - Bồi dưỡng hiện vật tại chỗ.
  - Khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp hằng năm.
  - Đồng phục và BHLĐ.
  - Các khoản trợ cấp khác: Trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế, chế độ nghỉ mát hằng năm; chế độ công tác phí; trợ cấp tiền xăng ...
  - Ngoài ra, Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tinh thần khác do Công đoàn tổ chức nhân các ngày lễ, các dịp kỷ niệm trong năm như: Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Ngày phụ nữ Việt Nam, ngày Quốc tế lao động, ngày thành lập Công đoàn Việt Nam ...

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

3.1. Các khoản đầu tư lớn: **Không có**

3.2. Các Công ty con, Công ty liên kết: **Không có**

### **4. Tình hình tài chính**

#### **4.1. Tình hình tài chính**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>% tăng/giảm</b>
Tổng giá trị tài sản	1.556.913.738.428	1.575.617.398.815	101,2%

Doanh thu thuần	525.991.456.990	284.600.440.932	54,11%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.832.885.717	-82.349.283.595	-1.051,33%
Lợi nhuận khác	3.617.969.293	83.352.811.626	2.303,86%
Lợi nhuận trước thuế	11.450.855.010	1.003.528.031	8,76%
Lợi nhuận sau thuế	5.443.101.118	702.930.690	12,91%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1,25%	0,16%	

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,27	0,81	
- Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,25	0,81	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	71,08%	71,39%	
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	245,81%	249,49%	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	50,49	48,28	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,34	0,18	

<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,03%	0,25%	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,21%	0,16%	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,35%	0,04%	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,49%	-28,94%	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần:

Stt	Cổ phiếu	2013	2012
1	Tổng số cổ phần	43.503.000	43.503.000
2	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.503.000	43.503.000
	2.1. Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000
	2.2. Cổ phiếu ưu đãi	0	0
3	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.503.000	43.503.000
	3.1. Cổ phiếu lưu hành tự do	43.503.000	43.503.000
	3.2. Cổ phiếu hạn chế theo quy định	0	0
4	Số lượng cổ phiếu giao dịch nước ngoài hoặc bảo trợ phát hành niêm yết tại nước ngoài	0	0

### 5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 20/03/2014 để tổ chức ĐHCĐ thường niên 2013, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

TT	Phân loại	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng số cổ phần	43.503.000	100%
2	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên, trong đó:	15.093.000	34,69%
2.1	Trong nước	15.093.000	34,69%
2.2	Nước ngoài	0	0%
3	Cổ đông nhà nước	0	0%
4	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% tổng số cổ phần	22.271.380	51,2%
5	Cổ đông sở hữu nhỏ hơn 1% tổng số cổ phần	6.138.620	14,11%
5.1	Trong nước	5.779.665	13,29%
5.2	Nước ngoài	358.955	0,83%
6	Cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sở hữu < 5%), trong đó:	357.904	0,82%
6.1	Trong nước	3.054	0,01%
6.2	Nước ngoài	354.850	0,81%
7	Cổ đông cá nhân, trong đó:	43.145.096	99,18%
7.1	Trong nước	43.140.991	99,17%
7.2	Nước ngoài	4.105	0,01%
8	Công đoàn Công ty	0	0%
9	Cổ phiếu quỹ	0	0%

### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2013, Công ty không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

### 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2013, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

### 5.5. Các chứng khoán khác:



### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

##### **1.1. Phân tích tổng quan**

- Năm 2013, kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn so với dự báo; Trong nước, theo “Báo cáo của chính phủ về tình hình kinh tế xã hội trong năm 2013” tuy đạt được những kết quả nhất định nhưng vẫn còn những hạn chế: Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát nhưng chưa vững chắc; Sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn; Tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng còn chậm so với lãi suất ngân hàng;... Tất cả đã ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty CP Thuận Thảo cũng không nằm ngoài những khó khăn đó. Đối mặt với những thách thức chung, bằng sự quyết tâm của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể nhân viên với định hướng đúng đắn của Hội đồng Quản trị, Công ty CP Thuận Thảo đã tập trung nâng cao hiệu quả những ngành cốt lõi của Công ty, duy trì, tái cấu trúc lại những lĩnh vực hoạt động kém hiệu quả, Công ty đã vượt qua khó khăn và đi vào ổn định.
- Một số mô hình kinh doanh mới đã được Ban Tổng Giám Đốc đưa vào khai thác trong năm 2013 như: Triển khai mô hình trang trại trồng trọt và chăn nuôi tại Sinh thái (3000 m<sup>2</sup>) và Resort (2 ha) để cung cấp các sản phẩm rau sạch, đảm bảo chất lượng cho mảng kinh doanh dịch vụ ăn uống; Mô hình Bia tươi - nhậu bình dân tại nhà hàng Đại Sảnh triển khai hiệu quả; chính thức đưa Spacy vào hoạt động dưới hình thức vũ trường,....kết hợp với việc nâng cấp, tái tạo các khu vực yếu kém, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ hiện hữu đã đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và mang lại hiệu quả cao.
- Ngoài ra, trong năm 2013, Công ty cơ bản đã hoàn tất thực hiện việc tái cấu trúc trong toàn Công ty, hoàn thiện bộ máy nhân sự chuẩn, đã cải tiến, cắt giảm, tiết kiệm các chi phí không hợp lý... cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua hệ thống quản trị theo hướng hiện đại đáp ứng đủ nguồn lực cho việc quản lý kinh doanh với quy mô phát triển ngày một lớn mạnh của Công ty.

##### **1.2. Những tiến bộ đã đạt được**

- Năm 2013, tuy các chỉ tiêu kinh doanh chưa đạt như kế hoạch đề ra nhưng trong tình hình kinh tế khó khăn chung thì những thành quả mà Thuận Thảo đạt được rất đáng ghi nhận. Trong năm qua, Công ty có những đổi mới rõ nét trong công tác quản trị điều hành, đặc biệt là quản trị nguồn nhân lực. Hệ thống quy trình, quy chế nội bộ tiếp tục được hoàn thiện, hướng tới chuẩn mực. Các tiêu chí đánh giá nhân viên và Phòng ban được áp dụng và triển khai thực hiện; hệ thống kiểm tra kiểm soát được củng cố và tăng cường.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty thông qua các biện pháp kiểm soát về tiền lương, tiền công, chi phí bảo trì, bảo hành, định mức chi phí giá thành đã đặt ra từ đầu năm mang lại nhiều kết quả rất khả quan. Hàng năm, Công ty đều tiến hành lập, giao và đánh giá kế hoạch ngân sách đến từng bộ phận, phòng ban. Định kỳ hàng tháng có báo cáo thực hiện ngân sách được soát xét phê duyệt.

- Kế hoạch kinh doanh được đánh giá và theo dõi bám sát hàng tháng, do vậy đã có những điều chỉnh kịp thời trước những biến động của thị trường để hoạt động của doanh nghiệp được ổn định và phát triển hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 và tạo tiền đề cho năm 2014.
- Việc tổ chức khoán doanh thu, chi phí cho từng bộ phận và xây dựng bộ tiêu chí công việc cho tất cả các vị trí nên bước đầu đã mang lại những hiệu quả tích cực: người lao động trở nên hăng hái và tích cực hơn trong công việc, công tác chăm sóc quan tâm đến khách hàng tốt hơn, chi phí được quản lý tốt hơn. Các khoản chi thường xuyên như: điện nước, văn phòng phẩm, điện thoại, hàng hư hỏng bề vờ giảm đáng kể.
- Tăng cường nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn doanh nghiệp an toàn, hiệu quả.
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro của toàn doanh nghiệp, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho. Tăng cường công tác thu hồi nợ, nhằm giảm nợ tăng hiệu quả của việc sử dụng vốn.
- Tiếp tục rà soát tính hiệu quả của các tài sản và các mảng kinh doanh, những tài sản nào không phát huy hiệu quả thì thanh lý, cho thuê mướn, chuyển nhượng, liên doanh liên kết nhằm tạo ra hiệu quả sử dụng vốn cao nhất cho Công ty.
- Công ty đã thực hiện quỹ phúc lợi cho các nhân viên thuộc các chế độ, chính sách phúc lợi theo đúng qui chế có sự giám sát của Ban chấp hành Công đoàn, đảm bảo thu nhập và giữ chân được người lao động. Trong năm, Công ty cũng không xảy ra các tranh chấp lao động hay đình công.
- Công ty đã duy trì và tăng cường các hoạt động trách nhiệm xã hội đối với người lao động nói riêng và cộng đồng nói chung.
- Công ty đã tuyển dụng và đào tạo được lực lượng kế thừa cho kế hoạch phát triển trong tương lai.

## 2. *Tình hình tài chính*

### 2.1. *Tình hình tài sản*

Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2012
<b>1. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	35,54	32,44
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	64,46	67,56
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn	%	71,39	71,08
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	28,61	28,92

## 2.2. Tình hình nợ phải trả

### 2.2.1. Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

#### VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại ngày 01/01/2013	Số tiền vay trong năm	Vay dài hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Tại ngày 31/12/2013
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>148.521.424.933</b>	<b>184.803.979.701</b>	-	<b>208.010.859.491</b>	<b>125.314.545.143</b>
BIDV Phú Tài (a)	84.976.425.455	13.342.661.509	-	13.371.858.364	84.947.228.600
Vietinbank Phú Yên (b)	59.999.999.960	158.532.009.774	-	182.869.052.367	35.662.957.367
Vay của cá nhân (c)	3.544.999.518	12.929.308.418	-	11.769.948.760	4.704.359.176
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh IV.22)</b>	-	-	<b>227.160.000.000</b>	-	<b>227.160.000.000</b>
BIDV Phú Tài	-	-	213.054.000.000	-	213.054.000.000
VP Bank	-	-	356.000.000	-	356.000.000
LienVietPost Bank	-	-	13.750.000.000	-	13.750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>148.521.424.933</b>	<b>184.803.979.701</b>	<b>227.160.000.000</b>	<b>208.010.859.491</b>	<b>352.474.545.143</b>

#### VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Tại ngày 01/01/2013	Số tiền vay trong năm	Số tiền vay đã trả (được xóa) trong năm	Số kết chuyển nợ đến hạn trả	Tại ngày 31/12/2013
BIDV Phú Tài (a)	543.597.734.507	-	-	213.054.000.000	330.543.734.507
VP Bank (b)	1.157.000.000	-	356.000.000	356.000.000	445.000.000
LienVietPost Bank (c)	-	60.931.000.000	2.250.000.000	13.750.000.000	44.931.000.000
Vay của cá nhân (d)	96.126.095.321	30.826.940.000	90.876.183.000	-	36.076.852.321
Nợ thuê tài chính (e)	44.386.838.754	-	44.386.838.754	-	-
<b>Cộng</b>	<b>685.267.668.582</b>	<b>91.757.940.000</b>	<b>137.869.021.754</b>	<b>227.160.000.000</b>	<b>411.996.586.828</b>

### 2.2.2. Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

- Tình hình nợ phải trả xấu: Công ty không có nợ phải trả xấu trong năm
- Ảnh hưởng chênh lệch lãi vay đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về chênh lệch lãi vay.

#### Quản lý rủi ro lãi suất:

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết, rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

#### **Công tác tổ chức**

– Bám sát mục tiêu của kế hoạch từ đầu năm, Công ty tiếp tục nâng cao công tác quản trị nhân sự thông qua các hình thức đào tạo và tuyển dụng thường xuyên nhằm duy trì hoạt động cải tiến liên tục và sắp xếp lại nguồn nhân lực cho phù hợp.

#### **Công tác quản lý**

Duy trì và cải tiến hệ thống quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị hệ thống với quy mô phát triển ngày một lớn mạnh.

- Rà soát, đánh giá và khắc phục kịp thời tồn tại trong công tác quản lý, đảm bảo sự thấu hiểu về qui trình công việc từ lãnh đạo đến các nhân viên, thông qua qui trình quản lý của hệ thống ISO 9001: 2008. Hoàn thiện và đưa vào áp dụng Bộ hồ sơ giao việc từ cấu trúc, mục tiêu, quy trình, quy định & hướng dẫn công việc cho đến các tiêu chí đánh giá năng lực và thành tích cho từng nhân viên.

- Hợp đồng với đơn vị tư vấn nhằm tăng cường công tác đào tạo chuyên môn cho các Giám đốc bộ phận, quản lý, đảm bảo khả năng quản lý, lập kế hoạch và triển khai các chương trình mới đạt được hiệu quả cao.

- Tăng cường phân quyền cho các Giám đốc bộ phận để đảm bảo tính hiệu quả, sâu sát và nhanh chóng trong việc triển khai các công việc theo kế hoạch chung.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

– Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế: “Tình hình kinh tế thế giới sẽ có những khởi sắc trong năm 2014, tăng trưởng toàn cầu về cơ bản đang trên đà phục hồi. Ở Việt Nam, nền kinh tế vĩ mô đã có những dấu hiệu tốt lên, lạm phát đang ở mức kiểm soát (CPI dự báo cả năm khoảng 6%). Tuy nhiên, nhiều rủi ro vẫn còn tiềm ẩn đòi hỏi phải có nhiều phương án đối phó, thích ứng linh hoạt với điều kiện chung”.

Giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển thông qua:

##### **4.1. Giải pháp**

– Nâng cao hiệu quả công tác quản trị của cán bộ quản lý bằng việc thông qua tăng cường công tác kiểm soát và tinh thần, thái độ làm việc. Mỗi cấp quản lý chủ động có đầy đủ hồ sơ hoạch định và giao việc cho từng tháng, quý, năm đến từng cá nhân trong bộ phận cũng như đến bộ phận liên quan. Chú trọng công tác lập kế hoạch hành động, giao việc và kiểm tra đánh giá kết quả hoàn thành công việc. Tổ chức quan sát, thu thập, phân tích, báo cáo dữ liệu hàng ngày, từ đó xác định được hiện trạng, nguyên nhân gốc rễ những điểm chưa thành công, tập hợp các cơ hội đã nhận dạng được để kịp thời chấn chỉnh, điều chỉnh, xây dựng mục tiêu và chương trình hành động cải tiến kỳ tới.

– Tiếp tục áp dụng hệ thống lương khoán, thưởng trên cơ sở giao kế hoạch và đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Từ đó khuyến khích người lao động cải tiến và phát huy tối đa hiệu suất công việc, đồng thời kích thích tinh thần lao động tích cực của nhân viên.

– Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ đội ngũ nhân viên đảm bảo hoàn thành tốt nhất yêu cầu ngày càng cao của công việc.

– Nâng cao hiệu quả công tác duy tu bảo dưỡng thiết bị, tiêu chuẩn hóa quy trình vận hành thiết bị đổi mới, đầu tư nâng cấp thiết bị hiện có để đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng. Đảm bảo đầy đủ (kể cả dự phòng) các nguồn lực vật chất và con người để phục vụ sản xuất.

- Duy trì và phát triển thị phần trong nhóm khách hàng cũ trên cơ sở phân tích bán hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng năm 2013.
- Phát triển khách hàng mới trên cơ sở nghiên cứu đối thủ cạnh tranh, khách hàng chiến lược mới, phân tích nội bộ...nhằm xây dựng chiến lược, chính sách cạnh tranh trong ngắn hạn và dài hạn.
- Khuyến khích tăng cao việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ nội bộ của nhân viên.
- Luôn luôn đẩy mạnh các hoạt động cải tiến, cắt giảm một cách tối đa các lãng phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Giảm tối đa chi phí quản lý bằng việc cấp phát chi phí theo định mức nhằm giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh, tăng lợi nhuận.
- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, linh hoạt và tích cực hơn nữa các giải pháp trong chiến lược Marketing Mix đã phát huy hiệu quả trong năm 2013.
- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quảng bá các sản phẩm/ dịch vụ nhằm khẳng định và đưa hình ảnh Thuận Thảo ngày càng trở nên thân thuộc với công chúng và khách hàng. Tăng cường quan hệ cổ đông, công tác đối ngoại.
- Công tác an sinh xã hội: Chia sẻ trách nhiệm vào việc chăm lo cho các hoàn cảnh khó khăn của cư dân địa phương nơi Công ty có cơ sở bằng các đóng góp, tài trợ cho các hoạt động do chính quyền địa phương, cơ quan hữu quan phát động; các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng thực hiện trên nguyên tắc thường xuyên, lâu dài và trực tiếp.

#### **4.2. Mục tiêu năm 2014**

- Doanh số : 375.154.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 37.983.750.000 đồng

### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2013, kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn so với dự báo; Trong nước, theo “Báo cáo của chính phủ về tình hình kinh tế xã hội trong năm 2013” tuy đạt được những kết quả nhất định nhưng vẫn còn những hạn chế: Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát nhưng chưa vững chắc; Sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn; Tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng còn chậm so với lãi suất ngân hàng;... Điều này đã tác động mạnh và ảnh hưởng xấu đến hoạt động Công ty.

#### **Kết quả thực hiện đạt:**

- Doanh số: 284.600.440.932 đồng, đạt 54,11% so với năm 2012.
- Lợi nhuận sau thuế: 702.930.690 đồng, đạt 12,91% so với năm 2012.
- Qua 1 năm hoạt động trong khủng hoảng tình hình kinh tế toàn cầu, môi trường kinh doanh không thuận lợi và bằng nhiều giải pháp đổi mới vượt qua khó khăn để tồn tại, hoạt động Công ty có những điểm nổi bật như sau:

### 1.1. Sản xuất kinh doanh:

- Bộ phận Vận tải Hành khách & Taxi: sau khi rà soát phương tiện, giảm các tuyến không mang lại hiệu quả nên trong năm 2013 mặc dù giảm phương tiện, giảm tuyến nhưng bộ phận tập trung nâng cao hiệu quả công tác duy tu bảo dưỡng phương tiện, đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng nên tình hình doanh thu đạt 94% so với kế hoạch. Dự kiến năm 2014 Công ty sẽ đầu tư mới các phương tiện vận tải để khai thác hết tiềm năng khách hàng nên trong năm 2014 dự kiến doanh thu sẽ tăng hơn năm 2013 là 30%.
- Bộ phận Resort: sau khi áp dụng hệ thống lương khoán, thưởng trên cơ sở giao kế hoạch và đánh giá việc thực hiện kế hoạch, bộ phận đã có ý thức nâng cao chất lượng dịch vụ nên đã mang lại hiệu quả rất cao, cụ thể doanh thu năm 2013 tăng hơn 20% so với năm trước. Cùng với việc tổ chức tốt công tác phục vụ, chăm sóc khách hàng đã làm khách hàng hài lòng nên trong năm 2014 dự kiến doanh thu sẽ tăng hơn năm 2013 là 30%.
- Bộ phận Suga: mặc dù Nước Suga đã xây dựng được chỗ đứng vững chắc trong lòng người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh với hệ thống bán hàng, chăm sóc khách hàng tốt. Tuy nhiên giá cả của Sản phẩm Suga cao hơn giá thị trường nên việc cạnh tranh vào thị trường đang gặp rất nhiều khó khăn, trong năm 2013 doanh thu chỉ đạt 90% so với kế hoạch. Kế hoạch trong năm 2014 sẽ đầu tư mới hệ thống thiết bị chiết rót, đóng nắp, sấy màng tự động sẽ cắt giảm đáng kể chi phí cũng như đáp ứng được nhu cầu thị trường tiềm năng khách hàng vẫn chưa khai thác hết, đảm bảo mang lại hiệu quả kinh doanh cao, dự kiến trong năm 2014 doanh thu sẽ tăng hơn năm 2013 là 35%.
- Bộ phận Vận tải hàng hóa: sau khi đầu tư mở rộng kho bãi tại TP.HCM, trang bị hệ thống định vị GPS cũng như nâng cao hiệu quả công tác duy tu bảo dưỡng thiết bị, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải đã làm cho khách hàng hài lòng và tin tưởng. Từ những điều kiện thuận lợi này mà bộ phận Vận tải hàng hóa đã luôn luôn giữ vững ổn định doanh thu và lợi nhuận. Trong năm 2013 doanh thu đạt 115% so với kế hoạch, dự kiến năm 2014 Công ty sẽ thanh lý bớt các phương tiện vận tải cũ và thay thế bằng các phương tiện vận tải mới để khai thác hết tiềm năng khách hàng nên trong năm 2014 dự kiến doanh thu sẽ tăng hơn năm 2013 là 30%.

Thông qua những nét nổi bật nêu trên cũng như nhờ có những chiến lược kinh doanh hiệu quả nên đạt kết quả như sau:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%) hoàn thành kế hoạch
1	Doanh thu	604,900	284,600	47,05 %
2	Lợi nhuận sau thuế	65,625	0,702	1,07 %

- **Các hoạt động tài chính:**

- Vay ngắn hạn và dài hạn thêm: 276,5 tỷ đồng
- Chi trả nợ gốc vay: 222,4 tỷ đồng
- Trả nợ thuê tài chính: 44,3 tỷ đồng

- **Thực hiện nghĩa vụ ngân sách Nhà nước:**

Trong năm 2013, Công ty Cổ phần Thuận thảo đã nộp thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: 9,687 tỷ đồng.

**1.2. Các hoạt động khác:**

- Kiểm soát và tuân thủ việc bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định Cơ quan Nhà nước.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ kế toán, chính sách do Nhà nước ban hành; tuân thủ các yêu cầu về chuẩn mực kế toán do Nhà nước quy định; lưu trữ, sắp xếp tốt các chứng từ, hồ sơ kế toán đáp ứng nhanh các yêu cầu kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có liên quan.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty**

**2.1. Trong năm 2013, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:**

- Ban Tổng Giám đốc đã cố gắng, nỗ lực trong công tác điều hành để duy trì ổn định Công ty, duy trì và bảo toàn vốn của các cổ đông.
- Có quyết định đúng đắn, kịp thời trong điều hành nhằm khắc phục khó khăn của biến động thị trường, hạn chế thiệt hại cho Công ty.
- Luôn quan tâm xây dựng nguồn nhân lực mạnh cho sự phát triển Công ty; bố trí và luân chuyển cán bộ phù hợp với trình độ chuyên môn và năng lực quản lý; tạo động lực và động viên đội ngũ nhân viên đóng góp nhiều nhất cho Công ty thông qua hệ thống đánh giá nhân viên và chính sách khen thưởng hàng năm.
- Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo đúng nghị quyết của Đại hội cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các nhiệm vụ và quyền hạn được qui định trong Điều lệ Công ty; thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo qui định pháp luật.

**2.2. Một số vấn đề cần Ban Tổng Giám đốc tập trung cải tiến trong thời gian tới:**

- Tập trung vào việc đầu tư chiều sâu cho hoạt động của các lĩnh vực kinh doanh, chú trọng công tác lập kế hoạch hành động, giao việc và kiểm tra đánh giá kết quả hoàn thành công việc để từ đó chấn chỉnh, điều chỉnh kịp thời.
- Nâng cao trình độ về dự báo tình hình thị trường và quản trị rủi ro tránh thiệt hại cho Công ty.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Tiếp tục tái cấu trúc hệ thống quản lý Công ty đồng thời chuyên sâu khai thác, phát triển các lĩnh vực đã đầu tư: dịch vụ ăn uống, giải trí, nhà hàng, khách sạn, vận tải... nhằm nâng cao năng lực quản trị, khả năng cạnh tranh và chất lượng, hiệu quả hoạt động.
- Liên kết tổ chức các sự kiện mang tầm quốc gia, khu vực để tạo ra những điểm nhấn, sức hấp dẫn thu hút khách du lịch đến với Phú Yên, đến với Thuận Thảo.

- Phát triển lĩnh vực phục vụ du lịch ra tầm khu vực Nam Trung Bộ. Đẩy mạnh và phát huy hiệu quả công tác marketing và truyền thông cho sản phẩm dịch vụ.
- Tiếp tục xây dựng chiến lược trung và dài hạn cho việc tái cơ cấu tài chính của Công ty.
- Tập trung nguồn lực để triển khai các dự án có hiệu quả, mang lại nhiều lợi nhuận cho Cổ đông và tạo dòng tiền cho Công ty như: Đổi mới phương tiện và tăng đầu xe cho Vận tải hành khách và Vận tải hàng hóa; Đầu tư mới hệ thống thiết bị chiết rót, đóng nắp, sấy màng tự động và một số dự án khác có lợi nhuận cao. Thanh lý một số tài sản không mang lại hiệu quả để tái đầu tư mới các phương tiện vận tải.
- Liên kết tổ chức các sự kiện mang tầm quốc gia, khu vực để tạo ra những điểm nhấn, sức hấp dẫn thu hút khách du lịch đến với Phú Yên, đến với Thuận Thảo.
- Tiếp tục chủ động hơn trong quan hệ và duy trì cơ chế thông tin đối với cổ đông, nhà đầu tư nhằm đảm bảo thông tin được minh bạch, tạo sự tin tưởng, an tâm cho các cổ đông, nhà đầu tư.

## V. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

S T T	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Số lượng cổ phần sở hữu	Chức vụ tại Công ty khác	Ghi chú
1	Võ Thị Thanh	Chủ tịch HĐQT	15.093.000 cổ phần	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn	Thành viên điều hành
2	Võ Thanh Minh Hằng	Thành viên HĐQT -Phó Tổng Giám đốc	435.000 cổ phần	Không	Thành viên điều hành
3	Đặng Thị Nguyệt Thương	Thành viên HĐQT -Giám đốc tài chính	435.000 cổ phần	Không	Thành viên điều hành
4	Lương Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	30.000 cổ phần	Giám đốc Công ty TNHH Hưng Khánh	Thành viên độc lập



### 1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tiểu ban nhân sự của Hội đồng quản trị: do bà Đặng Thị Nguyệt Thương phụ trách, trong năm 2013 Tiểu ban nhân sự đã tham mưu cho hội đồng quản trị hoàn thiện cơ cấu nhân sự và bổ nhiệm nhân sự trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị.
- Tiểu ban lương thưởng của Hội đồng quản trị: Tiểu ban lương Thưởng do ông Lương Ngọc Khánh phụ trách, trong năm qua Tiểu ban đã tham mưu tích cực trong việc tái cơ cấu lại chính sách lương thưởng trong đó có chuyển đổi cơ cấu lương cố định (theo thời gian) sang cơ chế lương hưởng theo lợi nhuận kinh doanh mang lại nhờ vậy đã góp phần kích thích cho hiệu quả kinh doanh của Công ty.

### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình tuân thủ đúng qui định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp.
- Năm 2013 Hội đồng quản trị có sự thay đổi thành viên, HĐQT có 4 thành viên và 1 thành viên được Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2012 bổ nhiệm chính thức. Trong đó Chủ tịch HĐQT hoạt động chuyên trách, 01 Phó chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm vụ Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng Giám đốc Công ty, 01 Giám đốc tài chính và thành viên còn lại không kiêm nhiệm chức vụ.
- Năm 2013 Hội đồng quản trị có sự thay đổi thành viên, HĐQT chỉ có 4 thành viên, 1 thành viên đã có đơn từ nhiệm ngày 23/09/2013 và sẽ được bầu bổ sung thêm 1 thành viên HĐQT mới tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2014. Trong đó Chủ tịch HĐQT hoạt động chuyên trách, 01 Phó Tổng Giám đốc Công ty, 01 Giám đốc tài chính và thành viên còn lại không kiêm nhiệm chức vụ.
- HĐQT đã tổ chức 18 cuộc họp HĐQT và họp HĐQT mở rộng bằng nhiều hình thức để thực hiện các Nghị quyết của Đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả kinh doanh; hoạch định chiến lược kinh doanh theo quý, năm; định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh. HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, quyết liệt, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của Cổ đông và Đối tác cũng như quyền lợi của người lao động, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Công ty.
- Các quyết định của HĐQT thông qua các Biên bản, Nghị quyết như sau:  
Số lượng các cuộc họp: 18  
Số lượng Nghị quyết, Quyết định: 14

ST T	NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	02/NQ-HĐQT	28/01/2013	- Thay đổi giấy phép Đăng ký kinh doanh lần thứ 12.

2	03/QĐ-HĐQT	16/03/2013	- Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2013.
3	04/NQ-HĐQT	22/03/2013	- Thống nhất thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 vào ngày 09/04/2013. - Ủy quyền ông Võ Thanh Hoàng Chương – P.Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo triển khai các nội dung công việc chuẩn bị Đại hội theo đúng trình tự thủ tục quy định.
4	05/NQ-HĐQT	23/03/2013	- Thống nhất thông qua việc cho Công ty CP Thuận Thảo Nam Sài Gòn vay vốn. Nguồn vốn cho vay được lấy từ khoản nợ mà Công ty CP Thuận Thảo Nam Sài Gòn phải trả cho Công ty CP Thuận Thảo.
5	06/NQ-HĐQT	24/03/2013	- Thống nhất thông qua việc hạch toán lương theo doanh thu.
6	07/NQ-HĐQT	11/04/2013	- Bổ nhiệm thành viên HĐQT bà Đặng Thị Nguyệt Thương là người phụ trách công tác tiểu ban nhân sự của HĐQT. - Bổ nhiệm thành viên HĐQT độc lập ông Lương Ngọc Khánh là người phụ trách công tác tiểu ban lương thưởng của HĐQT.
7	10/NQ-HĐQT	04/05/2013	- Thống nhất thông qua việc vay vốn trung, dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt. - Thống nhất giao cho Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện, ký kết hợp đồng vay vốn, hợp đồng thế chấp và các chứng từ vay vốn, thế chấp phát sinh có liên quan đến hồ sơ vay nói trên.
8	11/NQ-HĐQT	03/06/2013	- Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 là Công ty TNHH Kiểm toán FAC.
9	12/NQ-HĐQT	25/06/2013	- Thống nhất thông qua việc vay vốn ngắn, và nhu cầu tài trợ vốn để đầu tư mua mới phương tiện vận tải tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt. - Thống nhất giao cho Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện, ký kết hợp đồng vay vốn, hợp đồng thế chấp và các chứng từ vay vốn, thế chấp phát sinh có liên quan đến hồ sơ vay nói trên.

10	12/NQ-HĐQT	10/7/2013	- Chuyển đổi chứng khoán từ hạn chế chuyển nhượng sang tự do chuyển nhượng của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Cổ đông sáng lập do hết thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định.
11	14/NQ-HĐQT	12/9/2013	- Thống nhất thông qua việc thay đổi lộ trình rút giảm dư nợ, duy trì hạn mức tín dụng và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên
12	15/NQ-HĐQT	22/9/2013	- Miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT, chức vụ Tổng Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của ông Võ Thanh Hoàng Chương theo đơn từ nhiệm. - Bổ nhiệm nhân sự mới bà Võ Thị Thanh – Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty và người đại diện theo pháp luật.
13	16/NQ-HĐQT	23/9/2013	- Miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT, miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của ông Võ Thanh Hoàng Chương.
14	17/NQ-HĐQT	23/9/2013	- Bổ nhiệm bà Võ Thị Thanh hiện đang là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thuận Thảo kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Thuận Thảo và là người đại diện theo pháp luật của Công ty CP Thuận Thảo.

#### ***1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành***

Trong cơ cấu Hội đồng quản trị hiện hành có 01 thành viên HĐQT độc lập đó là ông Lương Ngọc Khánh. Trong năm qua ông Khánh đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT và đưa ra ý kiến độc lập của mình nhằm đảm bảo tính khách quan trong việc đưa ra các quyết định quản trị.

#### ***1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty, Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm***

- Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: **Không có**
- Thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm do Ủy ban chứng khoán, Sở GD&ĐT TP.HCM phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức: **Không có**

## 2. Ban Kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Hữu Ân	Trưởng Ban Kiểm soát	18.750 cổ phần	Thành viên độc lập
2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Thành viên	300 cổ phần	
3	Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên	0 cổ phần	

### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thuận Thảo đã tổ chức họp 4 lần để triển khai thực hiện các nội dung chủ yếu như sau :

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh dịch vụ toàn Công ty thông qua các báo cáo tháng, quý.
- Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, việc chấp hành điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế, quy định, quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ năm 2013.
- Tham gia ý kiến với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua sự tham dự 18 cuộc họp với HĐQT và 25 cuộc họp với Ban Tổng Giám đốc.
- Tham gia soạn thảo, đóng góp ý kiến sửa đổi, bổ sung, soát xét hệ thống tài liệu quản trị trong toàn Công ty theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008.
- Phối hợp với Phòng KSNB, Phòng Kế toán kiểm tra tài chính Chi nhánh xe khách tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thẩm tra Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

#### Về Công tác giám sát:

Trong năm 2013, Trưởng BKS đã tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT và BKS tham gia đầy đủ các phiên họp giao ban hằng tuần, tháng của Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm qua Ban kiểm soát không thấy có điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong quá trình quản lý và điều hành mọi hoạt động trong Công ty.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

#### **3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

##### **3.1.1. Hội đồng quản trị:**

<b>Stt</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Thù lao</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Võ Thị Thanh	162.000.000	
2	Võ Thanh Hoàng Chương	34.880.000	
3	Võ Thanh Minh Hằng	30.000.000	
4	Lương Ngọc Khánh	30.000.000	
5	Đặng Thị Nguyệt Thương	30.000.000	
	<b>Cộng</b>	<b>286.880.000</b>	

##### **3.1.2. Ban Kiểm soát:**

<b>Stt</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Thù lao</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Nguyễn Hữu Ân	30.000.000	
2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	9.000.000	
3	Phan Thị Bảo Trâm	7.200.000	
	<b>Cộng</b>	<b>46.200.000</b>	

##### **3.1.3. Ban Tổng Giám đốc:**

<b>Stt</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Lương</b>	<b>Thưởng</b>	<b>Cộng</b>
1	Võ Thanh Hoàng Chương	519.362.000		519.362.000
2	Võ Thị Thanh	205.541.000	50.000.000	255.541.000
3	Võ Thanh Minh Hằng	416.353.000	30.000.000	446.353.000
4	Huỳnh Sỹ Chiến	177.636.000	20.000.000	197.636.000
5	Nguyễn Văn Như	93.920.000	10.000.000	103.920.000
	<b>Cộng</b>	<b>1.412.812.000</b>	<b>110.000.000</b>	<b>1.522.812.000</b>

**3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và những người liên quan:**  
**Không có**

**3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có

**3.3. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:**

Năm 2013 Công ty đã tuân thủ các quy định về quản trị Công ty, tuy nhiên để tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị Công ty, Công ty có kế hoạch như sau:

- Tăng cường việc liên lạc định kỳ/không định kỳ với cổ đông lớn của Công ty.
- Tăng cường chế độ thông tin tình hình Công ty cho thành viên HĐQT độc lập, Ban Kiểm soát.
- Thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật về quản trị Công ty.
- Định kỳ HĐQT họp ít nhất 1 lần/quý để kiểm tra tình hình hoạt động Công ty.
- Xem xét, hiệu chỉnh Quy chế quản trị nội bộ của Công ty theo qui định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình Công ty hiện nay.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

#### **2.1. Báo cáo tài chính đã kiểm toán:**

Được tách riêng như phụ lục kèm theo báo cáo này.

#### **2.2. Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán:**

Đã được đăng tải trên Website Công ty theo địa chỉ: [www.thuanthao.com.vn](http://www.thuanthao.com.vn)

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty**



**VÕ THỊ THANH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

---

Tỉnh Phú Yên, tháng 03 năm 2014

# **CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

---

## **TRANG**

MỤC LỤC	1
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 10
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	12
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 38



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Thảo (“Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

- Công ty Cổ phần Thuận Thảo được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4400123162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 12 năm 2009 trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Thuận Thảo thành Công ty Cổ phần Thuận Thảo. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

<b>Thay đổi đăng ký kinh doanh</b>	<b>Số giấy chứng nhận</b>	<b>Ngày cấp</b>
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ nhất	4400123162	08/01/2010
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 2	4400123162	26/02/2010
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3	4400123162	31/03/2010
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 4	4400123162	26/05/2010
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 5	4400123162	09/09/2010
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 6	4400123162	06/12/2010
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 7	4400123162	18/07/2011
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 8	4400123162	10/08/2011
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 9	4400123162	02/11/2011
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 10	4400123162	09/12/2011
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 11	4400123162	18/01/2012
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 12	4400123162	06/02/2013
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 13	4400123162	23/09/2013

- Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế lần đầu là 83.020.000.000 đồng và được thay đổi trong quá trình thay đổi đăng ký kinh doanh như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ nhất	93.020.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3	290.020.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 6	435.030.000.000 đồng

Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 435.030.000.000 đồng.

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 03 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Điện thoại : (84.57) 3824229

Fax: (84.57) 3823466

E-mail : info@thuanthao.com.vn

Website: <http://www.thuanthao.vn>

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, theo hợp đồng, taxi và xe buýt, vận tải hàng hóa bằng ô tô, dịch vụ bến xe và kho bãi; Kinh doanh phòng hát karaoke, hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu), hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc, kinh doanh khu vui chơi, giải trí, trò chơi dân gian có thưởng, hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động và các dịch vụ du lịch; và các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

#### **Các đơn vị trực thuộc Công ty**

##### **► Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo (Tỉnh Phú Yên)**

Địa chỉ : Số 236/6 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

##### **► Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại Quy Nhơn**

Địa chỉ : Số 358 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

##### **► Chi nhánh tại Công ty Cổ phần Thuận Thảo Khách sạn CenDeluxe**

Địa chỉ : Số 02 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

#### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 38).

## SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
<b>Hội đồng quản trị</b>			
Bà : Võ Thị Thanh	Chủ tịch	28/05/2010	-
Ông : Võ Thanh Hoàng Chương	Phó Chủ tịch	28/05/2010	23/9/2013
Bà : Võ Thanh Minh Hằng	Thành viên	09/12/2011	-
Ông : Lương Ngọc Khánh	Thành viên	28/05/2010	-
Bà : Đặng Thị Nguyệt Thương	Thành viên	28/04/2012	-
<b>Ban kiểm soát</b>			
Ông : Nguyễn Hữu Ân	Trưởng ban	28/05/2010	-
Bà : Nguyễn Thị Lệ Quyên	Thành viên	28/05/2010	-
Bà : Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên	28/04/2012	-
<b>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>			
Bà : Võ Thị Thanh	Tổng Giám đốc	23/09/2013	-
Ông : Võ Thanh Hoàng Chương	Tổng Giám đốc	18/01/2012	23/9/2013
Ông : Huỳnh Sỹ Chiến	Phó Tổng Giám đốc	09/08/2011	-
Bà : Võ Thanh Minh Hằng	Phó Tổng Giám đốc	18/01/2012	-
Ông : Nguyễn Văn Như	Kế toán trưởng	09/08/2011	-

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2013 đến ngày 22/09/2013 là ông Võ Thanh Hoàng Chương - Tổng Giám đốc, từ ngày 23/09/2013 đến ngày lập báo cáo này là Bà Võ Thị Thanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản và bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

## **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Huỳnh Sỹ Chiến**

Phó Tổng Giám đốc

Phú Yên, ngày 30 tháng 3 năm 2014

Số : 051/2014/BCTC-FACT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Thảo**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thuận Thảo ("Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2014, từ trang 7 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty không phân bổ chi phí lợi thế thương mại (phát sinh do hợp nhất kinh doanh) vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 với số tiền 12.332.678.388 VND. Nếu Công ty phân bổ chi phí này thì Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế và Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giảm đi số tiền tương ứng;
- Công ty chưa ghi nhận số tiền lãi phải nộp do chậm nộp thuế tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 với số tiền là 12.964.378.117 VND. Nếu Công ty ghi nhận số tiền này vào kết quả hoạt động kinh doanh thì Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế và Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên làm cho các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính: Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế và Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2013 và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tăng lên cùng số tiền 25.297.056.505 VND, đồng thời nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 giảm số tiền 12.964.378.117 VND.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Tuy không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc các vấn đề sau:

- Như trình bày tại thuyết minh IV.2 và IV.5 của Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản phải thu của bên liên quan là Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với tổng số tiền 457.600.000.000 VND (bao gồm tiền cho vay 400.000.000.000 VND và tiền lãi vay 57.600.000.000 VND), cao hơn vốn điều lệ của Công ty số tiền 22.570.000.000 VND. Vấn đề này có thể gây ra rủi ro cho Công ty;
- Công ty chưa thực hiện thanh toán đúng hạn tiền vay đến hạn trả, tiền lãi vay và tiền thuế và các khoản phải ngân sách Nhà nước (xem thuyết minh IV.14, IV.17, IV.18 và IV.22 của Thuyết minh báo cáo tài chính). Vấn đề này có thể gây ra rủi ro cho Công ty.



**Nguyễn Thịnh - Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0473-2013-099-1  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2014

**Nguyễn Minh Trí - Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0982-2013-099-1

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	1/1/2013
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>560.035.668.722</b>	<b>505.120.807.903</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	IV. 1	<b>333.926.044</b>	<b>3.070.294.974</b>
1. Tiền		111		333.926.044	3.070.294.974
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>		<b>400.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn		121	IV. 2	400.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>		<b>148.285.518.224</b>	<b>490.987.046.721</b>
1. Phải thu khách hàng		131	IV. 3	14.650.627.982	412.058.860.457
2. Trả trước cho người bán		132	IV. 4	30.848.992.303	30.426.011.456
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	IV. 5	102.785.897.939	48.502.174.808
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>		<b>5.438.873.399</b>	<b>5.352.760.979</b>
1. Hàng tồn kho		141	IV. 6	5.438.873.399	5.352.760.979
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>		<b>5.977.351.055</b>	<b>5.710.705.229</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	IV. 7	5.365.260.044	5.110.755.480
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	116.183.583
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	IV. 8	612.091.011	483.766.166

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	1/1/2013
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.015.581.730.093</b>	<b>1.051.792.930.525</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>912.649.095.262</b>	<b>947.772.499.780</b>
Tài sản cố định hữu hình				
1. hình	221	IV. 9	907.600.346.990	886.342.884.783
<i>Nguyên giá</i>	222		1.071.258.539.657	995.742.093.992
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(163.658.192.667)	(109.399.209.209)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	IV. 10	-	59.586.602.245
<i>Nguyên giá</i>	225		-	84.309.367.472
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(24.722.765.227)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV. 11	5.048.748.272	1.843.012.752
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>102.932.634.831</b>	<b>104.020.430.745</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 12	102.469.034.831	98.736.190.505
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	IV. 13	463.600.000	5.284.240.240
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.575.617.398.815</b>	<b>1.556.913.738.428</b>



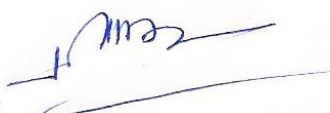
					Mẫu B 01-DN	
NGUỒN VỐN			Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	1/1/2013
<b>A -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>1.124.788.912.365</b>	<b>1.106.695.323.446</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>688.234.978.786</b>	<b>398.078.319.281</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn		311	IV. 14	352.474.545.143	148.521.424.933
2.	Phải trả người bán		312	IV. 15	17.809.192.698	18.679.477.906
3.	Người mua trả tiền trước Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	IV. 16	611.579.533	502.735.922
4.	Phải trả người lao động		314	IV. 17	62.079.811.334	54.097.623.293
5.	Chi phí phải trả		315		4.609.156.000	4.704.415.457
6.	Phải trả nội bộ		316	IV. 18	241.693.041.945	166.008.191.332
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		318		-	-
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn		319	IV. 19	8.411.435.980	4.517.364.064
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		320		-	-
11.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		323	IV. 20	546.216.153	1.047.086.374
12.			327		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>		<b>436.553.933.579</b>	<b>708.617.004.165</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác		333	IV. 21	24.557.346.751	23.349.335.583
4.	Vay và nợ dài hạn		334	IV. 22	411.996.586.828	685.267.668.582
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
<b>B -</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>400</b>		<b>450.828.486.450</b>	<b>450.218.414.982</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>410</b>		<b>450.828.486.450</b>	<b>450.218.414.982</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	IV. 23	435.030.000.000	435.030.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần		412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển		417	IV. 23	9.138.181.391	9.022.107.363
8.	Quỹ dự phòng tài chính		418	IV. 23	2.564.177.948	2.506.140.934
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	IV. 23	4.096.127.111	3.660.166.685
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-

<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1.575.617.398.815</b>	<b>1.556.913.738.428</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		31/12/2013	1/1/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>		344.33	313.53
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Phú Yên, ngày 30 tháng 3 năm 2014



**Huỳnh Khắc Nam**  
Người lập



**Nguyễn Văn Như**  
Kế toán trưởng



**Huỳnh Sỹ Chiến**  
Phó Tổng Giám đốc

Mẫu B 02-DN

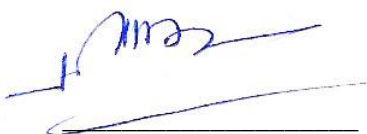
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V. 1	285.341.970.597	526.585.237.376
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V. 1	741.529.665	593.780.386
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V. 1	284.600.440.932	525.991.456.990
4. Giá vốn hàng bán	11	V. 2	260.488.725.922	295.946.300.857
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.111.715.010	230.045.156.133
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V. 3	57.613.016.798	19.602.936
7. Chi phí tài chính	22	V. 4	100.479.066.204	139.506.012.635
Trong đó: chi phí lãi vay	23		100.479.066.204	139.506.012.635
8. Chi phí bán hàng	24	V. 5	25.212.092.739	43.916.946.330
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V. 6	38.382.856.460	38.808.914.387
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30		(82.349.283.595)	7.832.885.717
11. Thu nhập khác	31	V. 7	86.746.810.172	10.686.565.058
12. Chi phí khác	32	V. 8	3.393.998.546	7.068.595.765
13. Lợi nhuận khác	40		83.352.811.626	3.617.969.293
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.003.528.031	11.450.855.010
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V. 9	300.597.341	6.007.753.892
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		702.930.690	5.443.101.118
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V. 10	16	125

Phú Yên, ngày 30 tháng 3 năm 2014


Huỳnh Khắc Nam  
Người lập

Nguyễn Văn Như  
Kế toán trưởngHuỳnh Sỹ Chiến  
Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

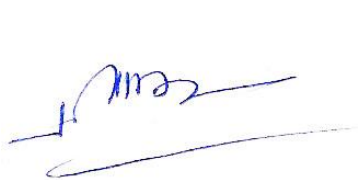
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.003.528.031</b>	<b>11.450.855.010</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	IV.9, 10	38.833.524.484	38.220.812.438
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(57.692.195.466)	1.465.778.446
- Chi phí lãi vay	06		100.479.066.204	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>82.623.923.253</b>	<b>190.643.458.529</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		309.387.235	(220.272.635.972)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(86.112.420)	1.018.264.409
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(56.538.134.561)	20.040.525.474
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.469.085.577)	(3.249.352.944)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(24.794.215.591)	(6.081.354.746)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	IV. 17	(1.361.550.002)	(92.991.047)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.997.700.408	1.129.140.842
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10.964.132.318)	(3.466.404.372)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(6.282.219.573)</b>	<b>(20.331.349.827)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.924.659.156)	(7.736.025.294)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V. 7	2.775.454.545	5.316.363.634
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.016.798	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6.136.187.813)</b>	<b>(2.419.661.660)</b>

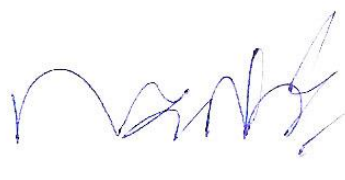
Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2013	2012
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	IV. 14, 22	276.561.919.701	265.845.767.456
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	IV. 14, 22	(222.493.042.491)	(227.773.719.680)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	IV. 22	(44.386.838.754)	(13.472.069.817)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>9.682.038.456</b>	<b>24.599.977.959</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(2.736.368.930)</b>	<b>1.848.966.472</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	IV. 1	<b>3.070.294.974</b>	<b>1.221.328.502</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	IV. 1	<b>333.926.044</b>	<b>3.070.294.974</b>

Phú Yên, ngày 30 tháng 3 năm 2014



**Huỳnh Khắc Nam**  
Người lập



**Nguyễn Văn Như**  
Kế toán trưởng



**Huỳnh Sỹ Chiến**  
Phó Tổng Giám đốc

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### **I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

#### **1. Giấy phép hoạt động**

Công ty Cổ phần Thuận Thảo ("Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4400123162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 12 năm 2009 trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Thuận Thảo thành Công ty Cổ phần Thuận Thảo. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

<b>Thay đổi đăng ký kinh doanh</b>	<b>Số giấy chứng nhận</b>	<b>Ngày cấp</b>
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ nhất	4400123162	08/01/2010
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 2	4400123162	26/02/2010
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3	4400123162	31/03/2010
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 4	4400123162	26/05/2010
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 5	4400123162	09/09/2010
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 6	4400123162	06/12/2010
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 7	4400123162	18/07/2011
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 8	4400123162	10/08/2011
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 9	4400123162	02/11/2011
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 10	4400123162	09/12/2011
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 11	4400123162	18/01/2012

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay  
đổi lần thứ 12 4400123162 06/02/2013

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay  
đổi lần thứ 13 4400123162 23/09/2013

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế lần đầu là 83.020.000.000 đồng và được thay đổi trong quá trình thay đổi đăng ký kinh doanh như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và  
đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ nhất 93.020.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và  
đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3 290.020.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và  
đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 6 435.030.000.000 đồng

Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 435.030.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 03 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, theo hợp đồng, taxi và xe buýt, vận tải hàng hóa bằng ô tô, dịch vụ bến xe và kho bãi; Kinh doanh phòng hát karaoke, hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu), hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc, kinh doanh khu vui chơi, giải trí, trò chơi dân gian có thưởng, hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động và các dịch vụ du lịch; và các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 1.170 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.398 người).

#### **Các đơn vị trực thuộc Công ty**

##### **► Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo (tỉnh Phú Yên)**

Địa chỉ : Số 236/6 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

##### **► Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại Quy Nhơn**

Địa chỉ : Số 358 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

## ► Chi nhánh tại Công ty Cổ phần Thuận Thảo Khách sạn CenDeluxe

Địa chỉ : Số 02 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

### 3. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà : Võ Thị Thanh	Chủ tịch	28/05/2010	-
Ông : Võ Thanh Hoàng Chương	Phó Chủ tịch	28/05/2010	23/9/2013
Bà : Võ Thanh Minh Hằng	Thành viên	09/12/2011	-
Ông : Lương Ngọc Khánh	Thành viên	28/05/2010	-
Bà : Đặng Thị Nguyệt Thương	Thành viên	28/04/2012	-

## II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKT") có liên quan do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 về việc ban hành bốn CMKT Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 về việc ban hành sáu CMKT Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 về việc ban hành sáu CMKT Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 về việc ban hành sáu CMKT Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 về việc ban hành bốn CMKT Việt Nam (Đợt 5).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là nhật ký chung.

### 3. Năm tài chính



Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 1. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập báo cáo tài chính của các năm trước, ngoại trừ báo cáo bộ phận. Theo đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh chính (bao gồm: Kinh doanh vận tải; Kinh doanh khu du lịch và khách sạn; Kinh doanh thương mại; Sản xuất nước uống tinh khiết) thay cho báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (bao gồm: Văn phòng; Chi nhánh Khách sạn CenDeluxe; Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh; Chi nhánh tại Quy Nhơn). Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng, việc trình bày báo cáo bộ phận theo các lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty phù hợp hơn báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý. Thông tin về báo cáo bộ phận được trình bày tại thuyết minh VI.1.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50	năm
- Máy móc và thiết bị	05 – 10	năm
- Phương tiện vận tải	10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10	năm
- Tài sản cố định khác	04 – 10	năm

#### 6. Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải và được khấu hao trong thời gian như trình bày tại thuyết minh III.5.

#### 7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

#### 10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

#### 11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 12. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ dẫn đến nhiều khả năng là cần chuyển giao các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### 13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 14. Vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.
- Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

## 17. Công cụ tài chính

### ***Ghi nhận ban đầu và trình bày***

#### *Tài sản tài chính*

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm nợ phải trả người bán, chi phí phải trả nợ phải trả khác, các khoản vay và nợ.

### ***Giá trị sau ghi nhận lần đầu***

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

#### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VI.2.

### IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Tiền mặt	240.791.044	2.219.089.103
Tiền gửi ngân hàng	90.420.000	843.969.871
Tiền đang chuyển	2.715.000	7.236.000
<b>Cộng</b>	<b><u>333.926.044</u></b>	<b><u>3.070.294.974</u></b>

#### 2. Đầu tư ngắn hạn khác

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Số tiền cho Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn vay	400.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>400.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

Một số thông tin về khoản cho vay như sau: Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 14,4%/năm theo hợp đồng cho vay số 01/2013/GTT ngày 29/03/2013. Nợ vay và lãi được đảm bảo bằng quyền chuyển đổi thành vốn góp của Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn ("TTNSG"). TTNSG hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303427104 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần thứ 14 vào ngày 06/10/2011. Trụ sở chính của TTNSG đặt tại 100B Bùi Thị Xuân, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ của TTNSG là 866 tỷ đồng. Hoạt động chính của TTNSG hiện nay là phát triển dự án bất động sản tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 3. Phải thu khách hàng

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn CHC	1.964.320.394	2.899.117.492
- Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn	11.033.000.000	407.123.909.091
- Phải thu của khách hàng về cung cấp dịch vụ vận tải	1.154.701.778	1.259.144.744

- Phải thu của khách hàng về cung cấp dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn...	361.071.173	152.696.468
- Các khách hàng khác	137.534.637	623.992.662
<b>Cộng</b>	<b>14.650.627.982</b>	<b>412.058.860.457</b>

#### 4. Trả trước cho người bán

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
- Công ty TNHH XDXL Thế Minh	145.751.465	145.751.465
- Bà Võ Thị Thanh (trả trước tiền mua đất tại Thị trấn Tân Túc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh)	30.000.000.000	30.000.000.000
- Các khách hàng khác	703.240.838	280.259.991
<b>Cộng</b>	<b>30.848.992.303</b>	<b>30.426.011.456</b>

#### 5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
- Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn (lãi cho vay)	57.600.000.000	-
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn CHC	38.709.717.915	37.038.521.665
- Chi phí đền bù đất (sẽ được trừ dần vào một phần tiền thuê đất hàng năm phải nộp cho Nhà nước)	4.537.816.591	4.878.780.981
- Phải thu ngân sách chi phí làm đường N1 - Resort	798.956.000	798.956.000
- Bộ phận xe khách Sài Gòn	12.791.760	70.584.005
- Bộ phận khách sạn CenDeluxe	-	4.695.698.288
- Các khoản khác	1.126.615.673	1.019.633.869
<b>Cộng</b>	<b>102.785.897.939</b>	<b>48.502.174.808</b>

#### 6. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	2.017.397.560	2.062.606.897
Công cụ, dụng cụ trong kho	749.445.860	179.224.365
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	132.722.728	2.490.070
Thành phẩm tồn kho	71.533.145	327.965.710
Hàng hóa tồn kho	2.467.774.106	2.780.473.937
<b>Cộng</b>	<b>5.438.873.399</b>	<b>5.352.760.979</b>

## 7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2013	Phát sinh trong năm	Kết chuyển trong năm	Tại ngày 31/12/2013
Chi phí đồ dùng dụng cụ	2.930.757.150	6.994.290.993	7.137.807.676	2.787.240.467
Chi phí sửa chữa	1.761.878.073	4.409.094.230	4.281.862.587	1.889.109.716
Chi phí khác	418.120.257	6.792.120.592	6.521.330.988	688.909.861
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.110.755.480</b>	<b>18.195.505.815</b>	<b>17.941.001.251</b>	<b>5.365.260.044</b>

## 8. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
- Tạm ứng chi phí công tác cho cán bộ công nhân viên	592.091.011	483.766.166
- Ký quỹ, ký cược	20.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>612.091.011</b>	<b>483.766.166</b>

## 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động Tài sản cố định trong kỳ như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Tại 01/01/2013	889.456.736.388	9.670.663.704	53.228.579.362	10.545.072.757	32.841.041.781	995.742.093.992
Đầu tư hoàn thành	2.461.254.045	2.924.181.818	-	154.669.319	95.818.454	5.635.923.636
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	24.000.000	59.000.000	-	-	83.000.000
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	5.913.347.300	78.892.550.356	-	-	84.805.897.656
Phân loại lại	1.299.548.182	-3.436.085.498	-	-2.118.650.154	-5.790.730.840	-10.045.918.310
Thanh lý	-	-	-4.962.457.317	-	-	-4.962.457.317
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>893.217.538.615</b>	<b>15.096.107.324</b>	<b>127.217.672.401</b>	<b>8.581.091.922</b>	<b>27.146.129.395</b>	<b>1.071.258.539.657</b>
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	<b>92.381.245</b>	<b>-</b>	<b>688.000.000</b>	<b>141.767.906</b>	<b>101.019.429</b>	<b>1.023.168.580</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Tại 01/01/2013	69.470.636.048	5.259.034.228	16.518.257.500	4.167.911.109	13.983.370.324	109.399.209.209
Trích khấu hao	19.909.994.809	1.140.025.786	9.234.933.381	963.183.660	4.071.747.775	35.319.885.411
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	2.483.617.781	25.997.495.740	-	-	28.481.113.521
Phân loại lại	73.957.811	-2.037.131.525	-	-1.381.272.866	-3.931.387.454	-7.275.834.034
Thanh lý	-	-	-2.266.181.440	-	-	-2.266.181.440
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>89.454.588.668</b>	<b>6.845.546.270</b>	<b>49.484.505.181</b>	<b>3.749.821.903</b>	<b>14.123.730.645</b>	<b>163.658.192.667</b>



	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại 01/01/2013	819.986.100.340	4.411.629.476	36.710.321.862	6.377.161.648	18.857.671.457	886.342.884.783
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>803.762.949.947</b>	<b>8.250.561.054</b>	<b>77.733.167.220</b>	<b>4.831.270.019</b>	<b>13.022.398.750</b>	<b>907.600.346.990</b>

Phần lớn tài sản cố định của Công ty đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh IV.15 và thuyết minh IV.22).

## 10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Tại 01/01/2013	666.666.667	78.892.550.356	4.750.150.449	84.309.367.472
Phân loại lại			496.530.184	496.530.184
Chuyển sang TSCĐ sở hữu	-666.666.667	-78.892.550.356	-5.246.680.633	-84.805.897.656
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Tại 01/01/2013	271.033.965	21.084.025.139	3.367.706.123	24.722.765.227
Trích khấu hao	34.725.345	3.294.236.245	184.677.483	3.513.639.073
Phân loại lại			244.709.221	244.709.221
Chuyển sang TSCĐ sở hữu	-305.759.310	-24.378.261.384	-3.797.092.827	-28.481.113.521
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại 01/01/2013	395.632.702	57.808.525.217	1.382.444.326	59.586.602.245
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013	01/01/2013
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	5.048.748.272	1.843.012.752
<b>Cộng</b>	<b>5.048.748.272</b>	<b>1.843.012.752</b>

## 12. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 01/01/2013	Phát sinh trong năm	Kết chuyển trong năm	Tại ngày 31/12/2013
Chi phí đồ dùng dụng cụ	2.792.615.141	8.977.206.348	4.125.579.096	7.644.242.393
Lợi thế thương mại (*)	89.411.918.269	-	-	89.411.918.269
Chi phí khác	6.531.657.095	1.056.316.787	2.175.099.713	5.412.874.169
<b>Số cuối năm</b>	<b>98.736.190.505</b>	<b>10.033.523.135</b>	<b>6.300.678.809</b>	<b>102.469.034.831</b>

(\*) Lợi thế thương mại phát sinh do nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thuận Thanh trong năm 2010.

### 13. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
Ký quỹ thuê tài chính	-	4.844.240.240
Ký quỹ mượn bao bì luân chuyển	371.000.000	371.000.000
Ký quỹ dịch vụ thuê ngoài khác	92.600.000	69.000.000
<b>Cộng</b>	<b>463.600.000</b>	<b>5.284.240.240</b>

### 14. Vay và nợ ngắn hạn

Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2013	Số tiền vay trong năm	Vay dài hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Tại ngày 31/12/2013
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>148.521.424.933</b>	<b>184.803.979.701</b>	-	<b>208.010.859.491</b>	<b>125.314.545.143</b>
BIDV Phú Tài	84.976.425.455	13.342.661.509	-	13.371.858.364	84.947.228.600
(a)					
Vietinbank Phú Yên (b)	59.999.999.960	158.532.009.774	-	182.869.052.367	35.662.957.367
Vay của cá nhân (c)	3.544.999.518	12.929.308.418	-	11.769.948.760	4.704.359.176
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b> (xem thuyết minh IV.22)	-	-	<b>227.160.000.000</b>	-	<b>227.160.000.000</b>
BIDV Phú Tài	-	-	213.054.000.000	-	213.054.000.000
VP Bank	-	-	356.000.000	-	356.000.000
LienVietPost Bank	-	-	13.750.000.000	-	13.750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>148.521.424.933</b>	<b>184.803.979.701</b>	<b>227.160.000.000</b>	<b>208.010.859.491</b>	<b>352.474.545.143</b>

Thông tin về các khoản vay ngắn hạn như sau:

- a. Khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Tài (BIDV Phú Tài) bằng tiền Đồng Việt Nam theo hạn mức tín dụng với số tiền là 90 tỷ đồng để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay không vượt quá 8 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất thả nổi, áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn theo thông báo công bố lãi suất của BIDV Phú Tài tại từng thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng. Lãi suất của các khoản vay tại thời điểm kết thúc năm tài chính là 13%/năm.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay (bao gồm vay ngắn hạn và vay dài hạn) tại BIDV Phú Tài được trình bày tại thuyết minh IV.22.

- b. Khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Phú Yên (Vietinbank Phú Yên) bằng tiền Đồng Việt Nam theo hạn mức tín dụng với số tiền là 60 tỷ để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay không quá 04 tháng. Lãi suất thả nổi, áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn theo thông báo công bố lãi suất của Vietinbank Phú Yên tại từng thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng. Lãi suất của các khoản vay tại thời điểm kết thúc năm tài chính là 11,5%/năm.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Bà Võ Thị Thanh và Ông Võ Văn Thuận tại: (i) số 133-135 Lê Lợi, Phường 5, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên; (ii) 44 Nguyễn Thái Học, Phường 5, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên; và (iii) 67A Nguyễn Thái Học, Phường 5, Thành phố Tuy Hòa. Tổng giá trị tài sản thế chấp được định giá là 20 tỷ đồng;
  - Quyền sở hữu công trình xây dựng Bến xe chất lượng cao Thuận Thảo tại Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thuận Thảo;
  - Quyền sở hữu công trình xây dựng Trung tâm hội nghị, triển lãm và dịch vụ du lịch Thuận Thảo tại xã Bình Ngọc và tại Phường 2, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thuận Thảo;
  - Quyền sở hữu công trình xây dựng Nhà hát Sao mai tại xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thuận Thảo;
  - 26 xe tải và 25 xe khách các loại thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thuận Thảo.
- c. Khoản vay của các cá nhân được bảo đảm bằng tín chấp để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay từ 18% đến 24%/năm.

#### 15. Phải trả người bán

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên	2.495.754.200	2.138.789.790
Cửa hàng Xăng dầu Hiệp Thành Phát	2.043.504.860	3.734.330.570
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	1.500.877.459	1.499.921.445
Chi Nhánh Công ty TNHH Vận tải và Sửa chữa Ô tô Phát Tường (Quảng Nam)	1.080.243.520	1.436.910.740
Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại Kim Phúc	1.029.103.676	853.036.512
Công ty TNHH CKL Việt Nam	876.227.258	1.213.783.954
DNTN Xăng dầu Phú Thành	731.345.700	242.581.590
Chi Nhánh Công ty TNHH Vận tải và Sửa chữa Ô tô Phát Tường (Ninh Thuận)	466.628.140	628.640.460
Công ty TNHH Miwon Việt Nam	370.593.299	980.401.803
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	238.213.104	250.019.138
Các khách hàng khác	6.976.701.482	5.701.061.904
<b>Cộng</b>	<b><u>17.809.192.698</u></b>	<b><u>18.679.477.906</u></b>

## 16. Người mua trả tiền trước

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Khách hàng trả trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ của Công ty	611.579.533	502.735.922
<b>Cộng</b>	<b><u>611.579.533</u></b>	<b><u>502.735.922</u></b>

## 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước của Công ty trong năm như sau:

	<u>Tại 01/01/2013</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Tại 31/12/2013</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	44.827.555.954	15.932.975.594	7.063.230.340	53.697.301.208
Thuế tiêu thụ đặc biệt	425.465.682	191.910.258	528.522.472	88.853.468
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.883.505.371	300.597.341	1.361.550.002	6.822.552.710
Thuế thu nhập cá nhân	427.496.965	438.644.330	385.602.896	480.538.399
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	797.930.618	340.964.390	456.966.228
Các loại thuế khác	533.599.321	8.000.000	8.000.000	533.599.321
<b>Cộng</b>	<b><u>54.097.623.293</u></b>	<b><u>17.670.058.141</u></b>	<b><u>9.687.870.100</u></b>	<b><u>62.079.811.334</u></b>

- ***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty là 10%.

- ***Thuế tiêu thụ đặc biệt***

Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh massage, karaoke là 30%.

- ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Xem thuyết minh III.15 và thuyết minh V.9.*

- ***Các loại thuế và các nộp nhà nước khác***

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế.

**18. Chi phí phải trả**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Chi phí lãi vay phải trả	241.693.041.945	166.008.191.332
<b>Cộng</b>	<b><u>241.693.041.945</u></b>	<b><u>166.008.191.332</u></b>

**19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Kinh phí công đoàn	45.964.543	35.481.563
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.035.985.955	445.739.877
Kinh phí được cấp để làm đường Độc lập	1.476.130.565	1.476.130.565
Công ty TNHH CHC	2.439.570.000	-
Tiền gửi của khách hàng nhờ chuyển hộ	970.833.126	1.000.999.000
Cổ tức chưa chi	657.780.000	657.780.000
Các khoản khác	1.785.171.791	901.233.059
<b>Cộng</b>	<b><u>8.411.435.980</u></b>	<b><u>4.517.364.064</u></b>

**20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
Số dư tại ngày 01/01	1.047.086.374	1.489.901.012
Trích từ lợi nhuận	92.859.222	44.852.374
Chi khen thưởng và phúc lợi	(593.729.443)	(487.667.012)
<b>Số dư tại ngày 31/12</b>	<b><u>546.216.153</u></b>	<b><u>1.047.086.374</u></b>

**21. Phải trả dài hạn khác**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Bà Võ Thị Thanh	12.025.136.708	11.670.136.708
Bà Võ Thanh Minh Hằng	719.905.000	330.550.000
Ông Võ Thanh Hoàng Chương	701.270.000	661.270.000
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	330.600.000	330.600.000
Ông Võ Thanh Việt Cường	330.550.000	330.550.000
Ông Trương Trọng Cử	330.550.000	330.550.000
Ông Võ Văn Thuận	638.023.000	-
Tiền gửi của nhân viên	8.958.975.875	-
Ký quỹ khách hàng	522.336.168	399.500.000
Ký quỹ nhân viên	-	9.296.178.875
<b>Cộng</b>	<b><u>24.557.346.751</u></b>	<b><u>23.349.335.583</u></b>

## 22. Vay và nợ dài hạn

	Tại ngày 01/01/2013	Số tiền vay trong năm	Số tiền vay đã trả (được xóa) trong năm	Số kết chuyển nợ đến hạn trả	Tại ngày 31/12/2013
BIDV Phú Tài (a)	543.597.734.507	-	-	213.054.000.000	330.543.734.507
VP Bank (b)	1.157.000.000	-	356.000.000	356.000.000	445.000.000
LienVietPost Bank (c)	-	60.931.000.000	2.250.000.000	13.750.000.000	44.931.000.000
Vay của cá nhân (d)	96.126.095.321	30.826.940.000	90.876.183.000	-	36.076.852.321
Nợ thuê tài chính (e)	44.386.838.754	-	44.386.838.754	-	-
<b>Cộng</b>	<b>685.267.668.582</b>	<b>91.757.940.000</b>	<b>137.869.021.754</b>	<b>227.160.000.000</b>	<b>411.996.586.828</b>

Thông tin chính về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

- a. Khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Tài (BIDV Phú Tài) theo các hợp đồng vay:
- Hợp đồng số 01/2007/HDDH ngày 07/12/2007: Số tiền vay tối đa là 40.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng từ ngày rút vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất vay trong hạn được thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán đối với vay là 13%/năm. Nợ gốc trả định kỳ 3 tháng/lần và lãi được trả định kỳ hàng tháng.
  - Hợp đồng số 02/2007/HĐTD ngày 20/04/2007: Số tiền vay tối đa là 37.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng từ ngày rút vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất vay trong hạn được thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán đối với vay là 13%/năm. Nợ gốc trả định kỳ 3 tháng/lần và lãi được trả định kỳ hàng tháng.
  - Hợp đồng số 03/2007/HDDH ngày 18/10/2007: Số tiền vay tối đa là 25.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng từ ngày rút vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất vay trong hạn được thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán đối với vay là 13%/năm. Nợ gốc trả định kỳ 3 tháng/lần và lãi được trả định kỳ hàng tháng.
  - Hợp đồng số 04/2007/HDDH ngày 18/10/2007: Số tiền vay tối đa là 16.500.000.000 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng từ ngày rút vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất vay trong hạn được thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán đối với vay là 13%/năm. Nợ gốc trả định kỳ 3 tháng/lần và lãi được trả định kỳ hàng tháng.
  - Hợp đồng số 01/2008/HĐTD ngày 01/04/2008: Số tiền là tối đa số tiền là 279.152.000.000 đồng và 40.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 120 tháng từ ngày rút vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất vay trong hạn được thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán đối với vay là 13%/năm. Nợ gốc trả định kỳ 3 tháng/lần và lãi được trả định kỳ hàng tháng.

- Hợp đồng số 02/2008/HĐTD ngày 18/02/2008: Số tiền là 25.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng từ ngày rút vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất vay trong hạn được thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán đối với vay là 13%/năm. Nợ gốc trả định kỳ 3 tháng/lần và lãi được trả định kỳ hàng tháng.
- Hợp đồng số 01/2009/HĐTD ngày 19/03/2009: Số tiền vay tối đa số tiền là 105.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 120 tháng từ ngày rút vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất vay trong hạn được thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán đối với vay là 13%/năm. Nợ gốc trả định kỳ 3 tháng/lần và lãi được trả định kỳ hàng tháng.
- Hợp đồng số 01/2009/HĐTD ngày 24/04/2009: Số tiền vay tối đa số tiền là 30.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng từ ngày rút vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất vay trong hạn được thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán đối với vay là 13%/năm. Nợ gốc trả định kỳ 3 tháng/lần và lãi được trả định kỳ hàng tháng.

Vốn vay được sử dụng để đầu tư cho các hạng mục thuộc Công viên Văn hóa Du lịch Thuận Thảo tại số 02-03 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên và đầu tư dự án Resort tại đường Độc lập, Phường 7, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (thuyết minh IV.15), trung dài hạn tại BIDV Phú Tài bao gồm: (i) Toàn bộ công trình trên đất (bao gồm: khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, nhà văn phòng, nhà kho, công trình phụ trợ,...) và máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc Công viên Văn hóa Du lịch Thuận Thảo tại số 02-03 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên; (ii) Các công trình trên đất của dự án Resort tại đường Độc lập, Phường 7, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên và một số loại tài sản đảm bảo khác được quy định cụ thể trong từng hợp đồng vay.

- b. Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Khánh Hòa (VP Bank), số tiền vay là 1.780.000.000 đồng bằng VND để bổ sung vốn mua xe ô tô Lexus RX 350 theo Hợp đồng tín dụng số 36-11/TC-TH-XE ngày 03/03/2011; thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất vay trong hạn được thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán đối với vay là 17%/năm. Nợ gốc trả định kỳ 3 tháng/lần và lãi được trả định kỳ hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng chiếc xe ô tô Lexus RX 350 hình thành từ vốn vay do Công ty Cổ phần Thuận Thảo sở hữu.
- c. Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Khánh Hòa (LienVietPostBank), số tiền vay là 60.931.000.000 đồng bằng VND để trả nợ thuê tài chính và tái tài trợ nguồn vốn đã đầu tư mua các phương tiện vận tải theo Hợp đồng tín dụng số 61013/0027/TTKD ngày 16/05/2013; thời hạn vay là 48 tháng; lãi suất vay trong hạn được thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán đối với vay là 13%/năm. Nợ gốc trả định kỳ 3 tháng/lần và lãi được trả định kỳ hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản cố định của Công ty như sau:

- 02 máy phát điện; 01 bộ chuyển nguồn; 01 tủ hòa đồng bộ;
  - 25 xe khách Thaco Hyundai HB120SLS 40 giường nằm;
  - 02 máy lạnh sản xuất nước đá; 01 kho lạnh và hệ thống làm lạnh;
  - 04 xe Mercedes 16 chỗ;
  - 04 xe tải 14 tấn hiệu Hino;
  - 05 xe khách Hyundai Noble 43 chỗ và 04 xe khách Hyundai Universe Luxury;
  - 30 xe ô tô Kia New Carens 7 chỗ và 01 xe ô tô Toyota Innova 08 chỗ.
- d. Khoản vay của Bà Võ Thị Thanh (Chủ tịch Hội đồng quản trị) theo Hợp đồng vay được ký kết ngày 01/03/2010 và các Phụ lục hợp đồng ngày 05/01/2011, 23/01/2012 và 05/01/2013; số tiền vay tối đa là 120.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn đầu tư và kinh doanh cho Công ty; thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 28/02/2015; lãi suất vay theo thỏa thuận từng đợt; thanh toán lãi vay vào thời điểm cuối mỗi năm hoặc theo thỏa thuận khác. Công ty không phải trả lãi vay cho khoản vay này từ khi vay cho đến 31/12/2013. Khoản vay này được bảo đảm bằng tín chấp.
- e. Thuê tài chính của Chi nhánh Công ty Cho thuê Tài chính II tại Khánh Hòa theo các hợp đồng cho thuê để thuê mua phương tiện vận tải và thiết bị. Thời hạn thuê là từ 4 đến 5 năm. Tiền thuê được trả định kỳ 3 tháng, tiền lãi được trả hàng tháng hoặc định kỳ 3 tháng. Lãi suất áp dụng trong năm từ 12% đến 15%/năm. Công ty đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán tiền thuê và tiền lãi đồng thời mua lại toàn bộ tài sản thuê tài chính.

## 23. Vốn chủ sở hữu

### Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại					
01/01/2012	435.030.000.000	8.820.270.056	2.450.075.015	-1.480.178.473	444.820.166.598
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	5.443.101.118	5.443.101.118
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận		201.837.307	56.065.919	-302.755.960	-44.852.734
<b>Tại</b>					
<b>31/12/2012</b>	<b>435.030.000.000</b>	<b>9.022.107.363</b>	<b>2.506.140.934</b>	<b>3.660.166.685</b>	<b>450.218.414.982</b>
Tại					
01/01/2013	435.030.000.000	9.022.107.363	2.506.140.934	3.660.166.685	450.218.414.982
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	702.930.690	702.930.690
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	116.074.028	58.037.014	-266.970.264	-92.859.222
<b>Tại</b>					
<b>31/12/2013</b>	<b>435.030.000.000</b>	<b>9.138.181.391</b>	<b>2.564.177.948</b>	<b>4.096.127.111</b>	<b>450.828.486.450</b>



## Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.503.000	43.503.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.503.000	43.503.000
- Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.503.000	43.503.000
- Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

### Cổ tức

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất không chi trả cổ tức của năm 2012 mà chuyển qua năm 2013 chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ là 10% đến 12%/cổ phần.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
- Tổng doanh thu	285.341.970.597	526.585.237.376
- Các khoản giảm trừ	741.529.665	593.780.386
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>284.600.440.932</u></b>	<b><u>525.991.456.990</u></b>

#### Trong đó:

Dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa và taxi	172.530.495.658	187.344.733.777
Dịch vụ du lịch, ăn uống, nhà hàng, khách sạn, vui chơi, giải trí...	61.379.861.429	65.759.084.576
Kinh doanh thương mại	41.984.633.902	39.635.247.784
Thành phẩm nước uống tinh khiết	8.705.449.943	9.007.746.715
Dịch vụ khác	-	224.244.644.138

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
Giá vốn của dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa và taxi	154.374.951.126	177.722.672.483
Giá vốn của dịch vụ du lịch, ăn uống, nhà hàng, khách sạn, vui chơi, giải trí...	58.549.674.453	61.081.862.012
Giá vốn của hoạt động kinh doanh thương mại	42.215.060.126	39.954.377.178

Giá vốn của thành phẩm nước uống tinh khiết	5.349.040.217	5.305.573.181
Giá vốn dịch vụ khác	-	11.881.816.003
<b>Cộng</b>	<b><u>260.488.725.922</u></b>	<b><u>295.946.300.857</u></b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<b><u>Năm 2013</u></b>	<b><u>Năm 2012</u></b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.016.798	19.602.936
Lãi cho vay	57.600.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>57.613.016.798</u></b>	<b><u>19.602.936</u></b>
<b>4. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
	<b><u>Năm 2013</u></b>	<b><u>Năm 2012</u></b>
Chi phí lãi vay	100.479.066.204	139.506.012.635
<b>Cộng</b>	<b><u>100.479.066.204</u></b>	<b><u>139.506.012.635</u></b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
	<b><u>Năm 2013</u></b>	<b><u>Năm 2012</u></b>
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.835.269.618	1.827.766.500
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.608.499.977	8.614.243.299
- Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	14.690.519.001	26.882.256.045
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.543.752.431	2.046.467.350
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	2.534.051.712	4.546.213.136
<b>Cộng</b>	<b><u>25.212.092.739</u></b>	<b><u>43.916.946.330</u></b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<b><u>Năm 2013</u></b>	<b><u>Năm 2012</u></b>
- Chi phí cho nhân viên	18.270.802.465	16.643.041.270
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	3.702.333.800	7.319.314.768
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.173.809.961	10.869.305.499
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.031.807.221	1.423.588.580
- Chi phí khác	3.204.103.013	2.553.664.270
<b>Cộng</b>	<b><u>38.382.856.460</u></b>	<b><u>38.808.914.387</u></b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<b><u>Năm 2013</u></b>	<b><u>Năm 2012</u></b>
- Thu thanh lý tài sản cố định	2.775.454.545	5.316.36.634
- Nợ không phải trả	80.056.399.000	-
- Các khoản thu nhập khác	3.914.956.627	5.370.201.424
<b>Cộng</b>	<b><u>86.746.810.172</u></b>	<b><u>10.686.565.058</u></b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
	<b><u>Năm 2013</u></b>	<b><u>Năm 2012</u></b>
- Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	2.696.275.877	6.782.142.080

- Các khoản chi phí khác	697.722.669	286.453.685
<b>Cộng</b>	<b><u>3.393.998.546</u></b>	<b><u>7.068.595.765</u></b>

## 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được dự tính như sau:

	<b><u>Năm 2013</u></b>	<b><u>Năm 2012</u></b>
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.003.528.031	11.450.855.010
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	198.861.335	12.580.160.556
- Phân bổ chi phí lợi thế thương mại do hợp nhất kinh doanh	-	12.332.678.388
- Các chi phí không được trừ khác	198.861.335	247.482.168
	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.202.389.366	24.031.015.566
- Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	300.597.341	6.007.753.892
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất 25%		
<b><i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i></b>	<b><u>300.597.341</u></b>	<b><u>6.007.753.892</u></b>

## 10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<b><u>Năm 2013</u></b>	<b><u>Năm 2012</u></b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	702.930.690	5,443,101,118
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	702.930.690	5.443.101.118
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	43.503.000	43.503.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>16</u></b>	<b><u>125</u></b>

## 11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<b><u>Năm 2013</u></b>	<b><u>Năm 2012</u></b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	149.487.828.278	165.044.747.196
Chi phí nhân công	51.418.428.813	61.235.305.045
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.833.524.484	38.220.812.438
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.168.240.685	25.629.365.715

Chi phí khác bằng tiền  
**Cộng**

10.960.592.735      48.587.554.002  
**281.868.614.995**      **338.717.784.396**

## VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty có các bộ phận kinh doanh phân chia theo các lĩnh vực chính dưới sự quản lý của Công ty, cụ thể như sau:

- Kinh doanh vận tải: bao gồm vận tải hành khách, vận tải hàng hóa, taxi, dịch vụ bến xe, kho bãi và các dịch khác có liên quan;
- Kinh doanh du lịch và khách sạn: bao gồm khách sạn, nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải khát, kinh doanh khu du lịch, vui chơi, giải trí, kinh doanh và điều hành tua du lịch...;
- Kinh doanh thương mại: bao gồm bán buôn và bán lẻ hàng hóa;
- Sản xuất nước tinh khiết: Bao gồm nước uống tinh khiết đóng chai và sản xuất nước đá tinh khiết.

#### Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

	<b>Bộ phận kinh doanh vận tải</b>	<b>Bộ phận kinh doanh du lịch và khách sạn</b>	<b>Bộ phận kinh doanh thương mại</b>	<b>Bộ phận sản xuất nước tinh khiết</b>	<b>Phần theo dõi và quản lý chung</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	172.530.495.658	61.379.861.429	41.984.633.902	8.705.449.943	-	284.600.440.932
Doanh thu tài chính	-	3.833.152	-	-	57.609.183.646	57.613.016.798
Thu nhập khác	-	104.031.974	-	-	866.427.78.198	86.746.810.172
<b>Tổng doanh thu và thu nhập khác</b>	<b>172.530.495.658</b>	<b>61.487.726.555</b>	<b>41.984.633.902</b>	<b>8705.449.943</b>	<b>14.425.1961.844</b>	<b>42.896.0267.902</b>
Chi phí phân bổ trực tiếp của bộ phận	158.561.073.886	98.938.261.957	42.215.060.126	7.387.681.010	-	307.102.076.979
Chi phí được theo dõi chung của các bộ phận	-	-	-	-	120.854.662.892	120.854.662.892
<b>Tổng chi phí</b>	<b>15.8561.073.886</b>	<b>9.893.8261.957</b>	<b>42.215.060.126</b>	<b>7.387.681.010</b>	<b>12.085.4662.892</b>	<b>427.956.739.871</b>
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>1.396.9421.772</b>	<b>-3.7450.535.402</b>	<b>-230.426.224</b>	<b>1.317.768.933</b>	<b>23.397.298.952</b>	<b>1.003.528.031</b>
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.462.646.741	28.776.237.154	270.484.680	244.210.517	600.379.631	45.353.958.723

Tổng chi phí phát sinh để mua TSCĐ	1.032.145.958	4.559.504.951	-	127.272.727	3.205.735.520	8.924.659.156
Tài sản phân bổ trực tiếp của bộ phận	86.627.238.812	821.931.120.987	153.931.786.293	536.132.975	-	1.063.026.279.067
Tài sản được theo dõi và quản lý chung	-	-	-	-	512.591.119.748	512.591.119.748
<b>Tổng tài sản</b>	<b>86.627.238.812</b>	<b>821.931.120.987</b>	<b>1.539.317.86.293</b>	<b>536.132.975</b>	<b>512.591.119.748</b>	<b>1.575.617.398.815</b>
Nợ phải trả phân bổ trực tiếp của bộ phận	8.450.206.133	316.129.378.052	8.298.548.203	-	-	332.878.132.388
Nợ phải trả được theo dõi và quản lý chung	-	-	-	-	791910779977	791.910.779.977
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>8.450.206.133</b>	<b>316.129.378.052</b>	<b>8.298.548.203</b>	<b>-</b>	<b>791910779977</b>	<b>1.124.788.912.365</b>

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

	<b>Bộ phận kinh doanh vận tải</b>	<b>Bộ phận kinh doanh du lịch và khách sạn</b>	<b>Bộ phận kinh doanh thương mại</b>	<b>Bộ phận sản xuất nước tinh khiết</b>	<b>Phân theo dõi và quản lý chung</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	187.344.733.777	65.759.084.576	39.635.247.784	9.007.746.715	224.244.644.138	525.991.456.990
Doanh thu tài chính	-	-	-	-	19.602.936	19.602.936
Thu nhập khác	5.316.363.634	-	-	-	5.370.201.424	10.686.565.058
<b>Tổng doanh thu và thu nhập khác</b>	<b>192.661.097.411</b>	<b>65.759.084.576</b>	<b>39.635.247.784</b>	<b>9.007.746.715</b>	<b>229.634.448.498</b>	<b>536.697.624.984</b>
Chi phí phân bổ trực tiếp của bộ phận	190.500.915.318	124.119.994.913	39.954.377.178	8.645.617.310	-	363.220.904.719
Chi phí được theo dõi chung của các bộ phận	-	-	-	-	162.025.865.255	162.025.865.255
<b>Tổng chi phí</b>	<b>190.500.915.318</b>	<b>124.119.994.913</b>	<b>39.954.377.178</b>	<b>8.645.617.310</b>	<b>162.025.865.255</b>	<b>525.246.769.974</b>
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>2.160.182.093</b>	<b>-58.360.910.337</b>	<b>-319.129.394</b>	<b>362.129.405</b>	<b>67.608.583.243</b>	<b>11.450.855.010</b>
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.291.867.469	48.755.017.523	290.176.378	196.232.231	30.364.393.215	92.897.686.816

Tổng chi phí phát sinh để mua TSCĐ	12.145.073.426	7.147.109.585	-	-	3.221.300.987	22.513.483.998
------------------------------------	----------------	---------------	---	---	---------------	----------------

Tài sản phân bổ trực tiếp của bộ phận	104.410.862.747	938.945.598.175	22.624.887.827	816.660.930	-	1.066.798.009.679
Tài sản được theo dõi và quản lý chung	-	-	-	-	490.115.728.749	490.115.728.749
<b>Tổng tài sản</b>	<b>104.410.862.747</b>	<b>938.945.598.175</b>	<b>22.624.887.827</b>	<b>816.660.930</b>	<b>490.115.728.749</b>	<b>1.556.913.738.428</b>
Nợ phải trả phân bổ trực tiếp của bộ phận	8.958.342.405	331.481.834.773	4.318.775.863	338.424.038	-	345.097.377.079
Nợ phải trả được theo dõi và quản lý chung	-	-	-	-	761.597.946.367	761.597.946.367
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>8.958.342.405</b>	<b>331.481.834.773</b>	<b>4.318.775.863</b>	<b>338.424.038</b>	<b>761.597.946.367</b>	<b>1.106.695.323.446</b>

## 2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn	Bà Võ Thị Thanh đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị và cổ đông lớn của Công ty và Công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Biển Xanh	Bà Võ Thị Thanh đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty và Công ty này
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
Các thành viên gia đình của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên gia đình của Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<b>Bên liên quan/ Nội dung giao dịch</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
- Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn:		
+ Chuyển từ nợ phải thu tiền cung cấp dịch vụ sang cho vay	400.000.000.000	-
+ Tiền lãi cho vay phải thu	57.600.000.000	-
+ Trả tiền cung cấp dịch vụ	-	1.900.000.000
+ Cung cấp dịch vụ tư vấn và môi giới bất động sản	3.909.090.909	240.373.909.091
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:		
+ Tiền lương, tiền thù lao và tiền thưởng	2.218.644.000	2.204.482.000

Ngoài các giao dịch về tiền lương, tiền thù lao và tiền thưởng trên đây, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc còn có các giao dịch như sau:

<b>Bên liên quan/ Nội dung giao dịch</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
------------------------------------------	-----------------	-----------------

- Bà Võ Thị Thanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị	30.826.940.000	52.782.635.000
+ Vay vốn	11.876.183.000	2.000.000.000
+ Trả tiền nợ vay	79.326.000.000	-
+ Xóa nợ vay	681.000.000	-
+ Mượn tiền	-	122.408.920
+ Hoàn ứng	30.826.940.000	52.782.635.000
- Ông Võ Thanh Hoàng Chương - Tổng Giám đốc		
+ Mượn tiền	270.000.000	380.000.000
+ Trả tiền mượn	230.000.000	380.000.000
- Bà Võ Thanh Minh Hằng - Phó Tổng Giám đốc		
+ Mượn tiền	749.355.000	-
+ Xóa nợ	434.856.000	-
- Ông Huỳnh Sỹ Chiến - Phó Tổng Giám đốc		
+ Trả tiền mượn	-	170.000.000
- Ông Võ Thanh Việt Cường - Thành viên gia đình của Chủ tịch Hội đồng quản trị		
+ Mượn tiền	-	74.200.000
+ Trả tiền mượn	-	74.200.000
+ Tạm ứng	-	45.496.000
+ Hoàn ứng	-	45.496.000
- Ông Võ Văn Thuận - Thành viên gia đình của Chủ tịch Hội đồng quản trị		
+ Tiền lương và tiền thưởng	149.666.000	129.666.000
+ Mượn tiền	728.357.000	-
+ Xóa nợ	254.099.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan / Công nợ	Năm 2013	Năm 2012
<b>Nợ phải thu</b>		
- Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn		
+ Phải thu nợ cho vay (thuyết minh IV.2)	400.000.000.000	-
+ Phải thu tiền bán hàng hóa và dịch vụ (thuyết minh IV.3)	11.033.000.000	407.123.909.091
+ Phải thu lãi cho vay (thuyết minh IV.5)	57.600.000.000	-
- Bà Võ Thị Thanh (Chủ tịch Hội đồng quản trị)		

Trả trước tiền mua đất (thuyết minh IV.4)	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Tổng cộng nợ phải thu</b>	<b>498.633.000.000</b>	<b>437.123.909.091</b>
<b>Nợ phải trả</b>		
- Bà Võ Thị Thanh (Chủ tịch Hội đồng quản trị)		
+ Phải trả tiền mượn (thuyết minh IV.21)	12.025.136.708	11.670.136.708
+ Phải trả tiền vay (thuyết minh IV.22)	36.076.852.321	96.126.095.321
- Ông Võ Thanh Hoàng Chương (Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc)		
+ Phải trả tiền mượn (thuyết minh IV.21)	701.270.000	661.270.000
- Bà Võ Thanh Minh Hằng (Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc)		
+ Phải trả tiền mượn (thuyết minh IV.21)	719.905.000	330.550.000
- Ông Võ Văn Thuận (Thành viên gia đình của Chủ tịch Hội đồng quản trị)		
+ Phải trả tiền mượn (thuyết minh IV.21)	638.023.000	-
- Ông Võ Thanh Việt Cường (Thành viên gia đình của Chủ tịch Hội đồng quản trị)		
+ Phải trả tiền mượn (thuyết minh IV.21)	330.550.000	330.550.000
- Bà Đặng Thị Nguyệt Thương (Thành viên Hội đồng quản trị)		
+ Phải trả tiền mượn (thuyết minh IV.21)	330.600.000	330.600.000
- Ông Trương Trọng Cử (Thành viên gia đình của Chủ tịch Hội đồng quản trị)		
+ Phải trả tiền mượn (thuyết minh IV.21)	330.550.000	330.550.000
<b>+ Tổng cộng nợ phải trả</b>	<b>51.152.887.029</b>	<b>109.779.752.029</b>

### 3. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, khoản phải thu khách hàng phát sinh trực tiếp từ các hoạt động kinh doanh, cho vay, các khoản phải thu khác, các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản nợ phải trả khác, các khoản vay và nợ. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty và thu lợi nhuận.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.



Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đặt cọc.

### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### **Rủi ro ngoại hối**

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.

### **Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay.

#### *Phải thu khách hàng*

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn,

Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Cho vay*

Công ty có cho các bên liên quan vay tiền. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối khoản cho vay là thấp.

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Các khoản vay và nợ	372.399.351.254	387.798.007.754	73.591.734.507	833.789.093.515
Phải trả người bán	18.679.477.906	-	-	18.679.477.906
Chi phí phải trả	166.008.191.332	-	-	166.008.191.332
Các khoản phải trả khác	4.517.364.064	23.349.335.583	-	27.866.699.647
<b>Cộng</b>	<b>561.604.384.556</b>	<b>411.147.343.337</b>	<b>73.591.734.507</b>	<b>1.046.343.462.400</b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Các khoản vay và nợ	352.474.545.143	478.377.669.828	23.200.000.000	764.471.131.971
Phải trả người bán	17.809.192.698	-	-	17.809.192.698
Chi phí phải trả	241.693.041.945	-	-	241.693.041.945
Các khoản phải trả khác	8.411.435.980	24.557.346.751	-	32.968.782.731
<b>Cộng</b>	<b>620.388.215.766</b>	<b>502.935.016.579</b>	<b>23.200.000.000</b>	<b>1.056.942.149.345</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao và Công ty kiểm soát được rủi ro thanh khoản. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng, Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

#### 4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	333.926.044	3.070.294.974	333.926.044	3.070.294.974
Cho vay	400.000.000.000	-	400.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	14.650.627.982	412.058.860.457	14.650.627.982	412.058.860.457
Phải thu khác	102.785.897.939	48.502.174.808	102.785.897.939	48.502.174.808
<b>Cộng</b>	<b>517.770.451.965</b>	<b>463.631.330.239</b>	<b>517.770.451.965</b>	<b>463.631.330.239</b>

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Các khoản vay và nợ	764.471.131.971	833.789.093.515	764.471.131.971	833.789.093.515
Phải trả người bán	17.809.192.698	18.679.477.906	17.809.192.698	18.679.477.906
Chi phí phải trả	241.693.041.945	166.008.191.332	241.693.041.945	166.008.191.332
Các khoản phải trả khác	32.968.782.731	27.866.699.647	32.968.782.731	27.866.699.647
<b>Cộng</b>	<b>1.056.942.149.345</b>	<b>1.046.343.462.400</b>	<b>1.056.942.149.345</b>	<b>1.046.343.462.400</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoài trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và tương đương tiền, các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

## 5. Điều chỉnh sai sót và trình bày lại số liệu so sánh

Căn cứ kết quả thanh tra tình hình thực hiện nghĩa thuế tại Công ty đến ngày 31/12/2012 của Cục Thuế Tỉnh Phú Yên, Công ty tiến hành điều chỉnh hồi tố các sai lệch trọng yếu giữa báo cáo tài chính đã công bố với kết quả thanh tra thuế như sau:

Nội dung điều chỉnh	Số tiền (VND)
1. Bổ sung thuế giá trị gia tăng phải nộp tại ngày 31/12/2011	1.918.814.875
2. Bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại ngày 31/12/2011	890.838.237
3. Tiền lãi chậm nộp và tiền phạt phải nộp tại ngày 31/12/2011	533.599.321
4. Giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012	4.282.360.835

Việc điều chỉnh hồi tố các nội dung trên đây ảnh hưởng trực tiếp của đến các chỉ tiêu trình bày trên các báo cáo tài chính đã công bố như sau:

### Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu tại 31/12/2011 đã công bố	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu tại 31/12/2011 đã được điều chỉnh
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22.998.292.376	3.343.252.433	26.341.544.809
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	1.863.073.960	-3.343.252.433	-1.480.178.473

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu tại 31/12/2012 đã công bố	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu tại 31/12/2012 đã được điều chỉnh
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	55.036.731.695	-939.108.402	54.097.623.293
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	2.721.058.283	939.108.402	3.660.166.685

### Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu năm 2012 đã công bố	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu năm 2012 đã được điều chỉnh
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	10.290.114.727	-4.282.360.835	6.007.753.892
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.160.740.283	4.282.360.835	5.443.101.118
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	98	125

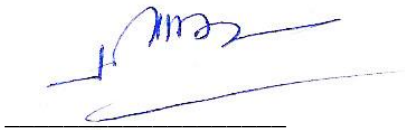
## 6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập và trình bày báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

## 7. Phê duyệt và công bố báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc là người đại diện trước pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho ông Huỳnh Sỹ Chiến - Phó Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính này.

Phú Yên, ngày 30 tháng 3 năm 2014



Huỳnh Khắc Nam  
Người lập



Nguyễn Văn Như  
Kế toán trưởng



Huỳnh Sỹ Chiến  
Phó Tổng Giám đốc